

Hương Thiên

TUYỂN TẬP VĂN THƠ RA NGÀY 1/7/GIÁP NGỌ

29



Vu Lan 2014



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

HƯƠNG THIÊN 29

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiện Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

CHỦ BIÊN

Nhà báo Phan Cát Tường

VĂN PHÒNG

ĐC: 304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2014

MỤC LỤC

03. Thích Thiện TàiLá thư Biên tập

THIỀN HỌC

05. Thích Nhật QuangGửi mẹ dấu yêu

09. Nguyễn Duy NhiênLà ở nơi này

15. Anthony de MelloNhư tiếng chim ca

27. Thích Lệ ThiệnKhương Tăng Hội

VĂN NGHỆ

40. Triều Tâm ẢnhVán cờ sinh tử

50. Huỳnh Như PhươngNhững ngôi chùa trong hẻm nhỏ

55. Nguyễn Văn KỳBa tôi

61. Lê Tất SĩNgười khách khuya

66. Nguyễn Hải ThảoBông hồng trắng gửi cha yêu

PHẬT SỰ

69. Nguyễn Văn HàoĐức Phật Trùm là ai?

76. Nguyễn Đức TốNi trường Thích Nữ Huệ Giác

82. Thích Giác QuangĐịa ngục có thật không?

85. Thuần TâmẾch ngồi đáy giếng

87. Phan Cát TườngCây khô trên núi tuyết

92. Nhật Triết“Động” của Huệ Năng

THƠ

Phạm Công Thiện, Nguyễn Ước, Trần Bảo Định, Thích Tâm Thiện, Phan Cát Tường, Nguyễn Châu Đức, Trần Thoại Nguyên, Thành Ngọc.

Lá thư Biên tập

Lời mở đầu của bộ sách Thiền nổi tiếng “Thiền Quan Sách Tán”, Hòa thượng Thích Nhật Quang không có một câu chữ nào nói về Thiền. Thay vào đó, ông kể chuyện về Mẹ, vì ngày Mẹ mất cũng đúng vào dịp thầy giảng xong bộ sách Thiền nổi tiếng này cho hàng Tăng chúng. Thầy viết: *“Thời gian gần đây, mỗi lần nhớ đến Mẹ, trong lòng con bỗng nghe nhói đau, dòng ký ức cứ tràn về. Con, một ông già trên bảy mươi, nhưng vẫn cảm thấy nhỏ bé trước mẹ già hơn chín mươi, vẫn luôn cần đến sự nhắc nhở chở che của từ mẫu”...*

Còn Thiền sư Thích Nhất Hạnh trong đoạn văn “Bông hồng cài áo” thì tự sự: *“Ngày mẹ tôi mất, tôi viết trong nhật ký: Tai nạn lớn nhất đã xảy ra cho tôi rồi! Lớn đến mấy mà mất mẹ thì cũng như không lớn, cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cũng không hơn gì trẻ mồ côi”...*

Đức Phật trước khi giảng bộ kinh Tâm Địa Quán, bộ kinh cốt lõi của Thiền tông đã dành trong phẩm đầu tiên (phẩm Báo Ân) để nói về đạo Hiếu: *“Thiện nam tử! Ôn Cha Mẹ, Cha có Từ ân, mẹ có Bi ân. Bi ân của Mẹ, nếu tôi ở đời trong một kiếp để nói về ơn ấy cũng không thể hết được”.*

Hiếu là gốc của mọi điều lành, nên Ngài Mục Kiền Liên sau khi chứng quả A La Hán, bèn dùng huệ nhãn tìm Mẹ xem sanh về chốn nào? Lòng hiếu thảo của Mục Kiền Liên dành cho Mẹ là bà Thanh Đề đã làm chất liệu cho một lễ hội lớn hàng năm của Phật giáo vào rằm tháng Bảy, lễ hội Vu Lan. Mong Vu Lan không chỉ diễn ra một lần trong năm mà sẽ trở thành lễ hội hàng ngày dành cho những đứa con biết sống thương yêu cha mẹ.

Thích Thiện Tài

Hieu hát Quê Hương



Mười năm qua gió thổi tôi tây
tôi long đong theo bóng chim gầy
một sớm em về ru giấc ngủ
bóng trời bay trắng cả ruộng cây

Gió thổi tôi tây hay tôi đông
hieu hát quê hương bên cỏ hồng
trong mơ em vẫn còn bên cửa
tôi đứng trên trời mây trời hồng

Gió thổi tôi: thu qua tôi đông
mưa hạ hạ hương, nước ngược dòng
tôi đau trong tiếng gà xỏ xác
một sớm bóng hồng nở của tôi

Phạm Công Thiện

Thủ bút Phạm Công Thiện

Gửi Mẹ dấu yêu...

HT. Thích Nhật Quang

Kể từ khi Mẹ xả báo thân theo về với Phật, con đem ngày một dạ chí thành, nguyện Mẹ sanh về cõi lành, cùng chư thượng thiện nhân thánh chúng một hội. Lai sinh phát chí siêu phượng, nương Bát Nhã lực, thệ cùng con đời đời kết duyên tu hành cho đến viên thành Phật đạo.

Hôm cuối cùng ngồi trợ tiến cho Mẹ, nhìn thấy từng hơi thở đứt quãng hắt ra giữa đôi bờ sinh tử, con thấy cả một dòng đời của mẹ tuôn chảy dịu ngọt, bền bỉ nuôi dưỡng, vun bồi đạo nghiệp cho con tới giây phút cuối cùng. Chín mươi lăm năm và sẽ còn nhiều hơn thế nữa, mẹ luôn là vị thiện hữu tri thức trong cuộc đời tu hành của con.

Thời gian gần đây, mỗi lần nhớ đến Mẹ, trong lòng con bỗng nghe nhói đau, dòng ký ức cứ tràn về. Con, một ông già trên bảy mươi nhưng vẫn cảm thấy nhỏ bé trước mẹ già hơn chín mươi, vẫn luôn cần đến sự nhắc nhở chở

che của từ mẫu. Mẹ ơi, con không thể nào quên được những buổi chiều ở quê khi con còn nhỏ, mẹ chặt chiu từng nắm xôi, từng củ khoai, từng cái bánh nghèo đường nghèo bột mà đậm đà mẫu tử tình thâm. Nhà mình nghèo, chùa con cũng nghèo. Cha mất, Mẹ bươn chải tảo tần, bữa đói bữa no mà vẫn không quên dành dụm, gửi gắm cho con cả bầu trời yêu thương. Rồi con lớn lên, mẹ cũng theo sát gót phong trần con trai, để rồi có những buổi chiều người mới mòn tựa cửa trông con. Và sau đó là những buổi chiều, con hắt hiu còn lại thân phận kẻ mồ côi, nhớ mẹ đau thắt ruột thắt gan.

Rồi cũng một chiều, con từ Trí Đức về thăm mẹ. Nhìn con hồi lâu mẹ hỏi:

- Ông Quang lên trên làm gì mà ngày nào cũng đi vậy?

Con cung kính trình mẹ:

- Mỗi ngày con có mặt một chút để đại chúng yên tu.

Mẹ lâu bầu:

- Đi về sớm một chút, gì mà bữa nào cũng tối thui tối mò mới về.

Lời mẹ tuy ngắn, nhưng đến bây giờ và mãi về sau vẫn luôn trong con. Bởi vì ở đó là

cả tuổi nguồn yêu thương mầu nhiệm của mẹ cho con.

Mẹ có còn nhớ không,

Từ năm 1975 con vâng lời Hòa thượng Trúc Lâm về Thường Chiếu. Mẹ hay tin cũng theo về với con. Bây giờ, mẹ còn khỏe cho nên càng đáng việc cơm nước mỗi ngày cho tăng chúng thật chu toàn. Mẹ thương tất cả chư Tăng và luôn chia thức ăn đồng đều cho quý thầy y hệt như con. Nhờ công đức và phúc duyên lành này, Mẹ được Hòa thượng cho xuất gia tu học trong đạo tràng. Từ năm 1986, đại chúng tự nấu ăn, Mẹ đã già đi nhưng vẫn siêng năng công quả, tới lui phụ việc trừ phòng và là một cụ bà sàng gạo, lượm thóc xuất sắc nhất trong số các cụ về thiền viện làm công quả thời ấy.

Ngoài thời gian làm công quả, Mẹ luôn giữ công phu niệm Phật tụng kinh đều đặn mỗi ngày. Công phu nội tại của Mẹ thì con chưa rõ, nhưng trong cuộc sống hàng ngày, đối diện với các nhân duyên, Mẹ của con đã được tôi luyện ngày một chín chắn. Có lần con thử nêu vài câu chuyện hơi lạ chung quanh cuộc sống tu học, Mẹ liền nhắc nhở: “Thôi, mình tu rồi, chuyện đó dính dáng gì chứ!”. Câu nói của Mẹ đã tiếp

sức cho con, đã ban cho con một niềm vui trong cuộc hành trình vốn còn gian khó vô kể. Và con biết chắc một điều tất cả sự cố gắng tu tập của Mẹ, phần nhiều là nhắm vào con với Hạnh Pháp. Bởi vì mẹ đã từng nói:

- Tôi nguyện Phật Trời gia hộ, tôi sống chừng nào ông Quang ngoài bảy chục tuổi, Hạnh Pháp hơn năm chục tuổi tôi mới chết, để nó đủ khôn sống với người ta.

Kính Mẹ,

Tấm lòng này của Mẹ, tâm tình này của Mẹ, con và Hạnh Pháp nguyện muôn phần tạ dạ thâm ân, thương Mẹ nhiều lắm. Hơn chín mươi năm sống trên cuộc đời, Mẹ chính là con thuyền đại nguyện đưa chúng con vươn vượt khỏi tối tăm tìm về nơi chốn bình an. Nhìn vào gương hạnh của mẹ, con an lòng và nguyện tu tập xứng đáng với tông môn, thầy tổ, đặc biệt là lòng thương yêu vô bờ của Mẹ.

(Trích Lời mở đầu sách “Thiền Quan sách tấn giảng giải” của HT. Thích Nhật Quang - NXB Văn hóa - Văn nghệ 2014)

Là ở nơi này

(*Ehipassiko*)

Nguyễn Duy Nhiên

Văn hào Leo Tolstoy có kể một câu chuyện về hai người bạn già. Efim là một người giàu có và có một đời sống rất gương mẫu, ông không uống rượu, không bao giờ nói dối và được mọi người trong làng kính trọng. Và ngược lại, bạn của ông, Elisha thì có một cuộc sống tạm đủ, thỉnh thoảng ông uống rượu, và hay ưa thích ca hát, vui chơi với bạn bè.

Một ngày nọ, hai người bạn rủ nhau cùng đi hành hương về nơi Thánh địa. Trên đường đi, Elisha mệt và khát nước nên bảo người bạn của mình hãy cứ đi trước, ông muốn ghé vào ngôi làng gần đó để xin nước uống, rồi sẽ bắt kịp theo sau.

Efim nghe lời và đi trước, được một đoạn ngắn, ông dừng lại dưới một gốc cây và ngồi chờ người bạn của mình. Efim mệt và ngủ thiếp đi một lúc lâu. Khi tỉnh dậy, ông ngồi chờ đến xế chiều vẫn không thấy bóng dáng của

Elisha đâu. Efim đoán có lẽ người bạn của mình đã đi ngang qua hoặc đi nhờ với ai đó rồi, và có lẽ không nhìn thấy ông ngồi chờ ở nơi này. Efim nghĩ, thôi bây giờ mình cứ tiếp tục lên đường, chắc là sẽ bắt kịp Elisha đang ở phía trước.

Sau vài ngày đường, cuối cùng Efim cũng đã đến được nơi Thánh địa. Ông bắt đầu đi tìm người bạn của mình. Và trong một buổi lễ đông người ông nhìn thấy rõ rệt Elisha từ xa, đang quỳ lạy và cầu nguyện. Efim rất mừng, vì biết rằng người bạn nhà nghèo của mình cũng đã đến được nơi này cùng với ông. Trong suốt buổi lễ, Efim luôn đưa mắt nhìn Elisha để khỏi thất lạc người bạn mình lần nữa.

Khi buổi lễ chấm dứt, mọi người xô đẩy, chen lấn nhau ra về, và Efim lại mất dấu người bạn mình. Nhiều lần, ông nhìn thấy rõ ràng Elisha từ xa, nhưng khi chen đến gần thì người bạn mình đã đi mất.

Sau cùng Efim bèn bỏ ra đứng trước cổng để đón chờ Elisha. Efim nghĩ thầm, lần này thì người bạn mình không thể nào đi đâu mất được. Ông đứng chờ đến chiều, khi mọi người đã ra về hết nhưng vẫn không thấy Elisha đâu.

Efim một mình trở về làng. Và ông ngạc nhiên khi thấy người bạn nhà nghèo của mình đã có mặt ở nhà rồi. Efim vừa ghé qua thăm, thì Elisha đã chạy ra vồn vã xin lỗi, “Tôi thành thật xin lỗi anh là đã không hành hương đến Thánh địa như đã hứa với anh được. Hôm ấy tôi ghé vào một ngôi nhà để xin nước uống, nhưng gặp gia đình ấy có hoàn cảnh

rất thương tâm, nên tôi quyết định gom hết chút số tiền dành dụm của mình, và ở lại để giúp đỡ họ qua cơn ngặt nghèo ấy. Còn anh thì sao, anh có đến nơi an toàn không?”

Efim ngẩn ngơ, không hiểu người mà ông đã thấy rất rõ ràng ở nơi thánh địa kia là ai! Phải chăng tuy người bạn nghèo của mình, Elisha, không đến nơi đó, nhưng tấm lòng của ông đã đến được rồi. Efim im lặng hồi lâu, rồi quay sang nói với người bạn mình, “Chân tôi tuy đã bước được đến Thánh địa rồi, nhưng tâm tôi thì không chắc...”

Trở về sẽ thấy ngay

Có lẽ câu chuyện ấy cũng muốn nhắc nhở rằng, trên con đường tu học nơi nào cũng có thể là thánh địa, cũng có thể trở thành một chốn huyền thoại, nếu như ta biết tiếp xúc với những gì đang có mặt với một ý thức trong sáng, và tấm lòng chân thành.

Trên con đường tu học, chúng ta thường không tránh khỏi sự mong cầu đến được một nơi nào đó cao xa hơn, hạnh phúc hơn, tốt đẹp hơn. Thật ra đó cũng là một điều tốt. Nhưng vấn đề là nhiều khi sự mong cầu ấy lại khiến ta vô tình không thấy được những gì đang thật sự xảy ra, nếu như chúng không được như ý mình muốn.

Một trong những đặc tính của giáo pháp đức Phật là *Ehipassiko*, trở về đây thì sẽ thấy ngay thôi. Trong thiền quán, sự tu tập của ta không phải là tìm kiếm, hay dụng công để đạt được một cái gì đó, mà là buông xả để ta có thể

sống tự nhiên và trong sáng với những gì đang có mặt trong thân tâm mình.

Và có lẽ thánh địa không phải là một nơi đặc biệt nào đó mà ta phải tìm đến, mà nó đang có mặt nơi đây với một cái thấy biết chân thật. Thiền quán nhắc nhở chúng ta tiếp xúc với sự việc xảy ra bằng chánh niệm và tỉnh giác. Bạn biết không, chúng ta không thể thờ vào cùng một hơi thở này lần thứ hai, và bước chân này của ta cũng rất cá biệt và duy nhất. Nhưng nếu như không có yếu tố của chánh niệm và tỉnh giác, thì chúng cũng sẽ chỉ là tầm thường như bao những lần khác. Và vì vậy mà ta lại muốn lên đường tìm kiếm một cái gì mới lạ hơn.

Có biết bao nhiêu là những phương pháp và con đường, dẫn ta về một nơi xa xôi nào đó, mà mình cũng chưa thật biết tới, nhưng không mấy ai biết làm sao để trở về an trú được ở nơi này, bạn hả...

ĐOÀN CA CON SÁO

Nguyễn Ước

Đã tan sương ánh trăng mờ,
Chiếu hư không cuộc tình vờ từng đêm.
Đã khan tiếng bướm lời chim,
Vàng rơi đáy biển, thuyền chìm cửa sông.

Đã lìa cuống đóa sen hồng,
Hương bay ngoài phố, trầm xông cuối đường.
Một mình chén rượu chiều hôm,
Nửa khuya hồn mộng còn thơm bóng người.

VÀI NÉT VỀ ANTHONY DE MELLO



Cha Anthony de Mello (4/9/1931 – 2/6/1987) sinh tại Bombay, Ấn Độ, là linh mục Dòng Tên; là nhà tâm lý trị liệu và tác giả của các tác phẩm tâm linh nổi tiếng trên toàn thế giới. Mục đích đơn giản của Cha là dạy mọi người cách Cầu nguyện, cách Tỉnh thức và cách Sống.

Theo quan điểm của Cha, hầu hết mọi người đều đang ngủ. Họ cần phải thức dậy, mở mắt, quan sát cái gì là thật, cả bên trong và bên ngoài chính họ. Cha nói, món quà vĩ đại nhất của nhân loại là nhân loại được thức tỉnh, được tiếp xúc với chính mình, với cơ thể, với tâm trí, tình cảm, suy nghĩ và cảm xúc của riêng mình. Cha có phương pháp kể chuyện uyển chuyển và chân thực nhờ biết cách kết hợp những tinh hoa của truyền thống phương Đông và phương Tây. Tuy lời giảng của Cha đã gây tranh cãi cho Giáo hội Công giáo La Mã bởi chủ yếu nhiều ý tưởng của Cha chịu ảnh hưởng bởi Ajahn Chah, thiền sư Phật giáo Thái Lan; nhưng bất chấp sự lên án của Giáo hội, các tác phẩm của Cha vẫn được phổ biến trên toàn thế giới.

Những sách nổi tiếng : *Một phút thông thái, Tỉnh thức, Một phút tầm phào, Cách để yêu thương, Như tiếng chim ca,...*

PHẠM THU HƯƠNG

Như tiếng chim ca

(The Song of the Bird)

Lm. Anthony de Mello, S.J.

(GS. Đỗ Tân Hưng chuyển ngữ)

“Như tiếng chim ca” là một trong nhiều tác phẩm nổi tiếng của Cha Anthony de Mello. Điều thú vị là mặc dù là một Linh mục, nhưng chuyện kể của ông lại thấm đẫm chất Thiên. Ông không ngại sử dụng những tình tiết hoặc ngôn ngữ đặc thù Phật giáo để nói lên chân lý từ góc nhìn của Kinh Thánh.

Anthony de Mello là biểu tượng của sự hòa hợp đức tin, sự thành kính đối với các giá trị văn hóa nhân loại. Và như thế, các tác phẩm của ông xứng đáng được dịch ra hàng chục thứ tiếng để mọi người có thể nắm bắt chân lý từ tín ngưỡng riêng của họ.

Hương Thiên xin trân trọng giới thiệu một số mẫu chuyện tiêu biểu trong *The Song of the Bird* để độc giả cùng thưởng thức.

THIÊN SƯ VÀ KITÔ HỮU

Một Kitô hữu đến thăm một vị Thiên sư và nói: “*Xin thầy cho phép tôi đọc thầy nghe Bài Giảng Trên Núi.*”

Thiên sư đáp: “*Tôi rất thích nghe.*”

Người Kitô hữu đọc một câu rồi ngược mắt lên nhìn. Thiên sư mỉm cười nói: “*Đáng đã phán những lời đó chắc chắn phải là một vị Giác Ngộ.*”

Người Kitô hữu cảm thấy khoái trá. Ông tiếp tục đọc. Thiên sư ngừng lại rồi nói: “*Những lời nói đó phải phát xuất từ Đấng Cứu Thế của nhân loại.*”

Người Kitô hữu cảm thấy thích thú. Ông tiếp tục đọc cho đến hết. Lúc bấy giờ Thiên sư tuyên bố: “*Người đã rao giảng như thế phải là Thiên Chúa.*”

Nỗi vui mừng của người Kitô hữu thật vô bờ bến. Ông ra về, cương quyết sẽ trở lại một ngày khác để thuyết phục Thiên sư trở thành Kitô hữu.

Trên đường về nhà, ông gặp Chúa Giêsu đứng bên vệ đường. Ông đã thưa với Chúa một cách khoái trá: “*Lạy Chúa, con đã làm cho người đó xưng ra Chúa là Thiên Chúa!*”

Chúa Giêsu mỉm cười và nói: “*Con đã làm gì hay đâu, ngoại trừ việc con thổi phồng cái tôi Kitô hữu của con mà thôi?*”

NHÀ SƯ VÀ PHỤ NỮ

Ngày kia trên đường trở về tu viện, hai nhà sư Phật giáo gặp gỡ một phụ nữ tuyệt đẹp đứng bên bờ sông. Cũng như họ, người phụ nữ đó muốn qua sông, nhưng mực nước dâng cao. Do đó vị sư già đã cống chị đó lên vai để qua sông.

Nhà sư trẻ cảm thấy đó là một sự xúc phạm ghê gớm. Trong suốt hai tiếng đồng hồ, ông than trách vị sư già đã phạm Giới Luật:

- Phải chăng sư huynh đã quên mình là một tu sĩ? Làm sao đã dám đung tới một người đàn bà? Tệ hại hơn nữa, lại cống chị ta sang bờ sông bên kia? Và người đời sẽ đàm tiếu ra sao? Sư huynh không biết làm như vậy là ô danh Đạo Pháp sao?

Nhà sư già mỉm cười độ lượng:

- Đệ mến, tôi đã để chị ấy ở bên bờ sông. Còn đệ tới giờ này mà còn đang cống chị đó sao?

Sống đạo chính là sống giây phút hiện tại tròn đầy và viên mãn ngay tại đây (hic et nunc). Sống với tương lai hoặc quá khứ đều là ảo tưởng. Đức Giê-su đã từng nhấn mạnh nhiều lần. Đã tới giờ và chính là lúc này đây - chứ không phải hôm qua hoặc ngày mai!

ẢO TƯỢNG

“Làm thế nào để đạt tới *sự sống vĩnh cửu*?”

“*Sự sống vĩnh cửu* chính là bây giờ đây. Con hãy trở về với hiện tại.”

“Nhưng con đang sống trong hiện tại bây giờ đây, không phải sao?”

“Không phải đâu.”

“Sao lại không?”

“Tại vì con không buông bỏ quá khứ.”

“Tại sao con phải buông bỏ quá khứ? Không phải tất cả những gì thuộc về quá khứ đều xấu cả.”

“Ta buông bỏ quá khứ, không phải vì quá khứ xấu xa, nhưng vì quá khứ đã chết rồi.”

SỰ THÁNH THIỆN CỦA GIÂY PHÚT HIỆN TẠI

Ngày kia người ta hỏi Đức Phật: “*Cái gì làm cho một con người trở nên thánh thiện?*”

Đức Phật trả lời: “*Mỗi giờ chia ra nhiều giây và mỗi giây chia ra nhiều sao. Ai có thể sống hoàn toàn trong hiện tại trong mỗi một sao thì người đó là một vị thánh.*”

Một chiến sĩ Nhật Bản bị quân địch bắt bỏ tù. Suốt đêm anh ta không thể nào chợp mắt vì tin chắc sáng mai anh sẽ bị tra tấn dã man.

Nhưng ngay lúc đó những lời nói của vị Thiền sư vang vọng trong đầu óc anh: **“Ngày mai không thực hữu. Chỉ có hiện tại mới là thực hữu.”**

Thế là anh trở về với thực tại - và lăn ra ngủ một giấc ngon lành.

Người mà Twong Lai không chi phối được: Cũng giống như đàn chim trên trời và bông huệ ngoài đồng. Không chút ưu tư đối với ngày mai. Hoàn toàn an trụ trong hiện tại. Đó là sự Thánh Thiện!

TÔI BỮA CÚI!

Khi Giác Ngộ rồi, Thiền sư đã viết những dòng dưới đây để nói lên niềm hân hoan của mình:

Tuyệt diệu thay:

Tôi bữa cúi!

Tôi gánh nước!”

Sau khi đạt ngộ, thật ra không có gì thay đổi cả. Cây cối vẫn là cây cối; người ta vẫn trước sao sau vậy; và cả bạn cũng thế. Bạn cũng vẫn ủ rũ hay bình thản, vẫn hiền triết hay điên rồ như trước kia. Ngoài trừ một sự khác biệt quan

trọng là giờ đây bạn nhận chân sự vật bằng con mắt khác. Giờ đây bạn trở nên ít dính bén hơn. Và con tim của bạn tràn trề kinh ngạc thích thú.

Đó là thực chất của Chiêm Niệm: Cảm Quan về sự Kinh Ngạc thích thú.

Chiêm niệm khác với xuất thần ở chỗ xuất thần đưa đến thái độ xa lánh cuộc đời. Nhà chiêm niệm khi đã giác ngộ vẫn tiếp tục bừa củi, gánh nước.

Chiêm niệm khác với sự nhận thức về vẻ đẹp ở chỗ sự cảm nhận cái đẹp (một bức tranh hay một buổi hoàng hôn chẳng hạn) phát sinh một cảm khoái mang tính chất thẩm mỹ, trong khi **chiêm niệm phát sinh sự ngạc nhiên hân hoan** - cho dù đối tượng quan sát là gì, một buổi chiều tà hay một viên đá.

Đó là đặc điểm của trẻ con. Chúng luôn sống trong trạng thái kinh ngạc hân hoan. Do đó, chúng thoải mái len lỏi vào Nước Trời.

CHÚ CÁ BÉ TÍ

Một con cá sống ở đại dương hỏi một con cá khác: “Xin lỗi bác, bác già hơn cháu, hẳn bác có thể nói cho cháu biết tìm thấy ở đâu điều mà người đời thường gọi là Đại Dương?”

Cá già nói: “Đại Dương là cái mà cháu đang lội

trong đây!”

“Cái này ư? Nhưng chỉ là nước thôi mà. Cái mà cháu tìm kiếm là Đại Dương kia.” Con cá bé tí rất thất vọng đã nói như thế rồi lội đi xa tìm kiếm ở nơi khác.

Có một người mặc bộ đồ khất sĩ tìm tới minh sư và đã dùng ngôn ngữ nhà khất sĩ mà thưa: “Từ nhiều năm nay, tôi đã tìm kiếm Thượng đế. Tôi tìm kiếm Ngài ở bất cứ đâu đâu mà người ta nói có Ngài: ở trên các đỉnh núi cao, ở trong sa mạc mênh mông, ở nơi tu viện thanh vắng và ở trong các khu ổ chuột của người nghèo.”

Minh sư hỏi: “Bạn có gặp Ngài không?”

- “Dạ không, tôi không gặp Ngài. Còn thầy?”

Minh sư có thể nói được gì đây? Những tia nắng vàng chói chang của buổi chiều tà đang tràn ngập căn phòng. Từng đàn chim sẻ đang khe khẽ líu lo trên cây đa gần đó. Xa xa, người ta có thể nghe tiếng động cơ của xe cộ qua lại trên xa lộ. Một con muỗi bay vù vù bên tai, chỉ muốn chích muỗi đốt... Tuy nhiên, chàng thanh niên chỉ biết ngồi trên ra đó và quả quyết rằng đã không gặp Thượng đế. Vì chàng có mắt như mù, có tai như điếc, không nhận ra sức sống của Thượng đế hiển hiện khắp nơi. Một lúc lâu, chàng đã bỏ ra đi, chán nản, thất vọng để tìm kiếm ở nơi khác.

Chú cá bé tí ơi, đừng đi tìm kiếm mất công. Không có gì để kiếm tìm cả. Tất cả những gì chú phải làm là mở mắt ra mà xem thôi.

CON CÓ NGHE TIẾNG CHIM HÓT KHÔNG?

Miền Ân Độ theo Ấn giáo đã khai triển một hình ảnh tuyệt diệu để diễn tả mối tương quan giữa Thượng đế và tạo vật của Ngài. Thượng Đế đã làm cho tạo vật nhảy múa. Chính Ngài là vũ công, còn tạo vật là vũ khúc. Vũ khúc khác với vũ công, tuy nhiên vũ khúc không thể tồn tại nếu không có vũ công. Bạn không thể mang vũ khúc về nhà trong một chiếc hộp, như ý bạn muốn. Khi vũ công ngưng thì vũ khúc cũng ngưng.

Trên đường đi tìm Thượng Đế, con người suy tư quá nhiều, nghĩ ngợi quá nhiều, nói năng quá nhiều. Cho đến khi họ nhìn vũ khúc đó mà họ gọi là tạo vật, họ cũng chỉ để hết ngày giờ suy tư và bàn tán (với mình hay với người khác), nghĩ ngợi, phân tích và triết lý dông dài. Toàn những chữ là chữ. Toàn tiếng động và tiếng động mà thôi.

Bạn hãy im hơi lặng tiếng để chiêm ngắm vũ khúc. Bạn chỉ việc nhìn: một ngôi sao, một đóa hoa, một chiếc lá úa, một con chim, một viên đá... bất cứ yếu tố nào kết thành vũ khúc cũng đều đáng kể hết. Bạn hãy nhìn. Bạn hãy lắng nghe. Bạn hãy cảm nhận. Bạn hãy đụng chạm. Bạn hãy thưởng thức. Và chắc chắn không sớm thì muộn bạn cũng sẽ nhận chân Thượng đế - Ngài chính là vị vũ công!

Một đệ tử ngày nào cũng than vãn với Thiền sư một câu như sau: “Thầy đã giấu con bí quyết tối hậu của Thiền.” Anh ta không chấp nhận sự kiện Thiền sư không chịu trả lời.

Ngày kia, họ đang sánh bước dạo chơi dọc theo sườn đồi thì nghe một con chim hót.

Thiền sư hỏi: “Con có nghe con chim đó hót không?”

Đệ tử trả lời: “Dạ có.”

“Này, bây giờ con đã rõ là thầy không giấu giếm con điều gì.”

“Dạ.”

Nếu bạn đã thực sự nghe một con chim hót, nếu bạn đã thực sự nhìn thấy một thân cây... thì bạn đang có khả năng hiểu biết, vượt qua những ngôn từ và khái niệm.

Bạn nói gì? Bạn bảo rằng mình đã nghe hằng chục con chim hót và thấy hằng trăm thân cây ư? À! Có đúng là bạn đã nhìn thấy thân cây hay chỉ nhìn thấy cái nhãn hiệu mà thôi? Nếu bạn nhìn một thân cây và thấy một thân cây, thì bạn chưa thực sự nhìn thấy cây. Khi bạn nhìn một thân cây và thấy “sức sống đang tiềm ẩn trong đó” - lúc bấy giờ bạn mới thực sự nhìn thấy! Lòng bạn có bao giờ tràn ngập niềm hân hoan không thốt nên lời khi nghe một con chim hót chưa?

TRẦN BẢO ĐỊNH



Sinh 1944 tại An Vĩnh,
Ngãi Tân, Long An.

Cựu sinh viên Văn khoa,
Viện Đại học Đà Lạt.

Đã xuất bản:

- Ngao du sơn thủy (thơ
2012)

- Thầy tôi (thơ 2013)

- Thơ 68 (in chung Hoàng
Yên Dy, 2013).

Bài thơ “Mẹ ơi” sau đây
được trích trong tập thơ “Mẹ. Tiếng lòng” NXB Văn hóa -
Văn nghệ (2013)

MẸ ƠI!

Con về quê cũ đêm Vu Lan
Trăng sáng vườn xưa, sáng mộ phần
Tựa gốc cau già hoa rụng trắng
Buồn rơi nước mắt tiếng chuông ngân.

Mẹ ơi, con nhớ Mẹ vô cùng
Hương khói canh tàn dạ thủy chung
Cha gánh, Mẹ mang đời khốn khổ
Ủ hồn non nước, ấp quê hương.

Mẹ để con gặp lúc khó khăn
Nhà nghèo xác kiết, nước lã than
Mẹ nằm phần ướt thân co lạnh
Dành để phần khô con trẻ lã.

Năm canh thức trắng Mẹ ru con
Nuôi dưỡng tâm hồn mau lớn khôn
Sữa Mẹ làm ra từ sản củ
Cho con rắn rỏi vững vàng hơn.

Tiếng gọi Mẹ đầu đời bật kêu
Mẹ mừng vui sướng biết bao nhiêu
Tập bò, tập đứng chên vênh ấy
Đút cá, lừ xương khổ cực nhiều.

Roi tre Mẹ dọa cốt khuyên răn
Nghiêm cấm con thơ sống nhẩn tâm
Chữ nghĩa trau dồi tiên học lễ
Chí nhân rèn luyện, hậu ôn văn.

Nhớ những năm xưa của thuở xưa
Cha đi biệt, Mẹ cày bừa
Miếng ăn không đủ ngày hai bữa
Mẹ nhịn, con ăn. Ôi đón đau!

Thân cò lặn lội Mẹ gian nan
Gạo chợ nước sông cảnh trái ngang
Mưa nắng bao ngày lòng chẳng quản
Dãi dầu năm tháng dạ cứu mang.

Con lớn dần lên theo tháng năm
Mẹ già gối mỗi đã chồn chân
Biển trời ơn ấy làm sao trả
Con khóc đêm nay trước mộ phần!

Nhớ hôm hồng nở đóa hoa vàng
Côi cút từ đây con gánh mang
Chốn cũ đi về trong nước mắt
Quê người ở lại vấn khăn tang!

Lạnh lắm Mẹ ơi dưới mộ sâu
Đêm nay thức trắng lệ thương sầu
Âm dương đôi ngã giờ ngăn cách
Con mất Mẹ rồi, mất thật sao?

Hỡi ai còn Mẹ sống trên đời
Hạnh phúc tuyệt vời đó bạn ơi!
Trọn đạo yêu thương tình mẫu tử
Thì ta mới xứng được làm người.

SÀI GÒN (Mùa Vu Lan 2012)

Khương Tăng Hội

Sơ tổ Thiền tông Việt Nam

Thích Lệ Thiện



Ngài Khương Tăng Hội thuộc dòng dõi quyền quý ở nước Khương Cư (Iran ngày nay). Để tránh vấn đề tranh chấp xảy ra ở Khương Cư, cha mẹ Ngài đã rời bỏ quê hương, sang Giao Chỉ (Việt Nam) lập nghiệp. Với vốn liếng sẵn có, lại thêm tài giỏi, chẳng bao lâu gia đình Ngài tạo được một tài sản đáng kể ở nơi vừa đến sinh sống.

Vừa tạo dựng được sự nghiệp nơi đất lạ quê người, thì cha mẹ Ngài liền lâm trọng bệnh và lìa đời. Bấy giờ mới 10 tuổi đầu, Ngài đã cảm nhận sâu sắc ý nghĩa cuộc sống vô thường. Với căn lành sâu dày từ bao kiếp gieo trồng nơi Phật pháp, đã thúc đẩy chú bé thơ hành động sáng suốt như

một người trưởng thành nhiệt tình hộ đạo. Thật vậy, Ngài đem dâng tất cả tài sản của cha mẹ để lại cho Trung tâm phiên dịch kinh điển Luy Lô. Và hơn thế nữa, cùng lúc với việc xả ái tài, Ngài xuất gia tu học ở Luy Lô.

Là một bậc siêu phàm, chẳng bao lâu tài đức của Phương Tăng Hội vang danh khắp chốn. Bấy giờ Giao Chỉ lệ thuộc Đông Ngô. Ngô Tôn Quyền thấy uy danh Ngài lừng lẫy, được dân chúng hết lòng kính trọng. Ông ta lo sợ Ngài sẽ thu phục nhân tâm, tụ họp anh hùng hào kiệt nổi loạn, chống lại Đông Ngô.

THỬ THÁCH CỦA TÔN QUYỀN

Niên hiệu Ngô Xích Ô, đầu năm thứ 10 Công nguyên năm 248, Ngô Tôn Quyền vội cho sứ sang Giao Chỉ thỉnh Ngài về Đông Ngô. Ông đưa ra lý do bề ngoài có vẻ tốt đẹp rằng Khương Tăng Hội là vị cao Tăng uyên thâm Phật pháp nên mời Ngài sang giảng dạy, truyền đạo ở nước Ngô. Thật sự, đó là phương kế để buộc Ngài rời khỏi nơi có uy tín và cô lập Ngài ở xứ xa xôi, không thể liên lạc với người quy ngưỡng Ngài.

Lúc mới sang, Ngô Tôn Quyền đối xử rất trịch thượng, nhằm hạ nhục, thậm chí giết Ngài, bằng cách đưa ra những vấn đề rất khó khăn; nếu không giải quyết được, họ sẽ lấy cớ đó để hành quyết. Một trong những mưu kế giết Ngài như nướ Phật pháp linh nghiệm, Ngài hãy chứng tỏ cho thấy việc hiển linh đó, nếu không chứng minh được, phải buộc

tội chết.

Trong đó nổi bật nhất là ngọc Xá lợi của đức Phật. Chỉ có chư Thiên mang được Xá lợi đến và cao Tăng mới giữ được. Xá lợi phải phát ra hào quang 5 màu và đập không bể. Nếu tu hành trai giới trong vòng 7 ngày, chư Thiên sẽ mang ngọc Xá lợi để vào bình và bình phát ra ánh sáng. Tôn Quyền nghe xong việc khó làm ấy, rất mừng nói: “Nếu người có thể đem Xá lợi đến đây, chính mắt ta thấy, thì ta sẽ xây dựng chùa tháp. Nhưng nếu hư vọng, hoang đường, dùng vật giả để lường gạt, ta sẽ y pháp nước mà trị tội”.

Chúng đệ tử đều run sợ trước thử thách quá khó này. Riêng Ngài bình thân vào tịnh thất, đem bình đồng đặt trên kỷ án, đốt hương lễ bái và thỉnh cầu Xá lợi.

Bảy ngày trôi qua, trong bình vẫn không có gì. Khương Tăng Hội xin thêm 7 ngày nữa. Tôn Quyền bằng lòng.

Bảy ngày sau lại qua đi, không chút kết quả. Tôn Quyền ra lệnh: “Linh nghiệm cái gì, rõ ràng lừa dối người. Quân lính hãy mau mang hấn đi”.

Khương Tăng Hội nói: “Khoan đã, bệ hạ, chắc có lẽ trong hàng đệ tử tôi, có người vì sợ oai lực của đại vương nên tâm không thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì cầu nguyện không thể đạt kết quả. Mong Bệ hạ khoan dung, cho thêm 7 ngày nữa. Lần này mà không thành tùy Ngài xử lý”. Tôn Quyền chấp thuận, trong lòng tin chắc thế nào cũng hại được Khương Tăng Hội. Thời gian lạnh lùng trôi qua, đại

chúng càng sợ. Trước mắt họ, hoàn toàn mờ mịt ánh sáng của Xá lợi, chỉ hiển hiện ánh sáng của lưỡi đao. Vì mọi người chờ đợi từ sáng sớm đến trưa, trưa lại đến tối, thế mà bình đồng vẫn trống không. Còn sư phụ của họ vẫn an nhiên tĩnh tọa, thần sắc không hề thay đổi.

Mãi đến canh năm hôm sau, trong bình bỗng nhiên phát ra tiếng động. Khương Tăng Hội nhìn thấy trong bình tỏa ra ánh sáng. Đại chúng mừng rỡ, nước mắt tuôn như mưa.

Khương Tăng Hội vào triều, đặt bình đồng trên án. Trong bình đột nhiên phát ra ánh sáng ngũ sắc, khiến mọi người sợ hãi. Tôn Quyền liền cầm bình lên và đổ Xá lợi ra chiếc đĩa bằng đồng. Lạ thay, chiếc đĩa lập tức vỡ nát. Tôn Quyền nói: “Đây là điềm lành hiếm có”.

Khương Tăng Hội lại cho biết: “Bệ hạ, thần uy của Xá lợi rất phi phàm. Ngoài ánh sáng và màu sắc ra, Xá lợi không thể bị đốt cháy, kim cương cũng không thể phá hoại được”.

Tôn Quyền ngạc nhiên: “Thực ư! Hãy thử một lần nữa cho ta xem!”

Xá lợi liền được đặt trên đe sắt và cử một đại lực sĩ dùng chùy đập xuống. Một lát sau, chùy vỡ nát, còn Xá lợi lõm sâu vào đe sắt, nhưng không chút hư hao. Tôn Quyền liền cho xây dựng chùa Kiến Sơ để thầy trò Khương Tăng Hội truyền đạo. Đó là ngôi chùa đầu tiên ở Giang Đông.

ĐẠI NẠN CỦA TÔN HẠO

Hai mươi năm trôi qua, đến cuối đời Ngô, Tôn Hạo lên kế vị. Vốn bạo ngược, lại không tin Phật giáo, ông cho Trương Dục đến hạch hỏi, lý luận với Khương Tăng Hội, có lúc đích thân ông tranh luận với Ngài, nhưng lần nào cũng phải chịu thua.

Tôn Hạo tuy để Phật giáo lưu hành, nhưng bản tính hung bạo vẫn không đổi. Một hôm, vệ binh của Tôn Hạo sửa chữa hoa viên ở hậu cung, đào lên được một tượng Phật bằng vàng, đem dâng lên Tôn Hạo. Ông đem để tượng Phật ở chỗ bất tịnh, dùng phân bôi đầy lên tượng, rồi cùng với quần thần cười đùa chế nhạo. Tôn Hạo nói: “Phật, Phật được nhân thế nhân phụng thờ như thần linh. Ta không chút kính trọng người, xem người làm gì được ta!”

Đột nhiên toàn thân Tôn Hạo sưng phù, đau nhức kỳ lạ, liền hắt tung chiếc bàn từ chỗ ngồi của mình, té quỵ xuống đất, hốt hoảng kêu la. Tôn Hạo nhờ người tiên đoán. Người này giải rằng vì phạm đến thần linh, nên phải chịu hình phạt như vậy.

Tôn Hạo đi các đình miếu, nhờ đạo sĩ cầu nguyện, nhưng bệnh tình không hề thuyên giảm. Bấy giờ, có một cung nữ tín phụng Phật pháp trình với Tôn Hạo: “Tâu Bệ hạ, Bệ hạ nên đến chùa cầu nguyện, sám hối. Phật là bậc Đại thánh, không thể không cầu Ngài”.

Tôn Hạo đến chùa Khương Tăng Hội, quỳ gối ăn năn

kể lại tội trạng của mình. Tương truyền rằng trong triều không ai bê nổi tượng Phật để đặt lên bàn. Chính Khương Tăng Hội rửa tượng Phật, mang đặt lên bàn thờ và làm lễ sám hối cho Tôn Hạo. Bệnh tình Tôn Hạo tiêu mất, không còn đau nhức.

Từ đó, Tôn Hạo không còn khởi niệm ác với Phật pháp và xin quy y thọ ngũ giới. Mười ngày sau, bệnh của ông khỏi hẳn. Tôn Hạo liền cho sửa sang lại chùa Kiến Sơ.

Tuy nhiên, Khương Tăng Hội nhận thấy không có cơ duyên hoằng hóa Phật pháp nơi đây, nên Ngài chuyên tâm phiên dịch kinh điển. Các bộ kinh Ngài đã dịch như: *A Nan niệm di*, *kinh Điện Vương*, *Sát Vi Vương*, *Phạm Hoàng kinh*, *tiểu phẩm (Bát Nhã)*, *Lục độ phẩm (Sáu pháp Ba La Mật)*, *tạp thí dụ* (phẩm thí dụ trong kinh Pháp Hoa) v.v.. Mỗi bộ kinh đều được giải thích tường tận, chuẩn xác.

Đến năm thứ 4 tức Công nguyên 280, vào tháng 9, bậc xuất trần thượng sĩ Khương Tăng Hội mãn duyên hành đạo ở Ta Bà, Ngài thu thân nhập diệt.



Thầy Thích Tâm Thiện

Thầy Thích Tâm Thiện (Khải Thiên) khởi nghiệp cầm bút từ Tòa soạn báo Giác Ngộ và thành công với nhiều bài giảng nổi tiếng như: *Thể Nghiệm Tâm Linh, Chánh Kiến, Mũi Tên Thứ Hai, Nghiệp, Tìm Lại Sự Bình An, Sám Hối, Triết Lý Sống, Ý Nghĩa của Tri Ân và Báo Ân, Vu Lan Báo Hiếu, Chân Lý Tối Thượng, Thiền Nguyện...*

Hiện thầy đang tu học tại tu viện Cát Trắng (White Sands Buddhist Center), thành phố Mims, thuộc miền Trung tiểu bang Florida, Hoa Kỳ.

“*Gửi con yêu dấu*” là một trong những bài thơ của thầy được đông đảo Phật tử yêu thích. Xin trân trọng giới thiệu.

GỬI CON YÊU DẦU

Thích Tâm Thiện

Nếu một mai thấy cha mẹ già yếu,
Hãy thương yêu và thấu hiểu song thân.
Những lúc ăn, Mẹ thường hay vung vãi
Hay tự Cha không mặc được áo quần.

Hãy nhẫn nại nhớ lại thời thơ ấu
Mẹ đã chăm lo tã, áo, bế bồng.
Bón cho con từng miếng ăn, hớp sữa
Cho con nằm trong nệm ấm chăn bông.

Cũng có lúc con thường hay trách móc
Chuyện nhỏ thôi mà mẹ nói trăm lần.
Xưa kia bên nôi, giờ con sắp ngủ
Chuyện thần tiên mẹ kể mãi không ngừng.

Có những lúc Cha già không muốn tắm
Đừng giận cha và la mắng nặng lời
Ngày còn nhỏ, con vẫn thường hay sợ nước
Từng van xin “đừng bắt tắm, mẹ ơi !”

Những lúc Cha không quen xài máy móc,
Chỉ cho Cha những hướng dẫn ban đầu.
Cha đã dạy cho con trăm nghìn thứ
Có khi nào cha trách móc con đâu?

Một ngày nọ khi cha mẹ lú lẫn
Khiến cho con mất hứng thú chuyện trò
Nếu không phải là niềm vui đối thoại
Xin đến gần và hãy lắng nghe cha.

Có những lúc mẹ không buồn cầm dũa
Đừng ép thêm, già có lúc biếng ăn
Con cần biết lúc nào cha thấy đói
Lúc nào cha thấy mệt, muốn đi nằm.

Khi già yếu phải nương nhờ gậy chống
Xin nhờ con đỡ cha lấy một tay
Hãy nhớ lại ngày con đi chập chững
Mẹ dìu con đi những bước đầu ngày.

Một ngày kia, cha mẹ già chán sống
Thì con ơi, đừng giận dữ làm chi!
Rồi mai này đến phiên, con sẽ hiểu
Ở tuổi này, sống nữa để làm chi?

Dù mẹ cha cũng có khi làm lỗi
Nhưng suốt đời đã làm tốt cho con
Muốn cho con được nên người xứng đáng
Thì giờ đây con cũng chẳng nên buồn.

Con tức giận có khi còn xấu hổ
Vi mẹ cha giờ ăn đậu ở nhờ
Xin hãy hiểu và mong con nhớ lại
Những ngày xưa khi con còn tuổi ấu thơ.

Hãy giúp Mẹ những bước dài mệt mỏi
Để người vui đi hết chặng đường đời.
Với tình yêu và cuộc đời phẩm giá
Vẫn yêu con như biển rộng sông dài.

Lời vào truyện

Có bao giờ chúng ta nghe từ miệng một vị thiền sư dạy Đạo cho môn sinh như thế này chưa:

"- Này chư tử! Thuở còn trai trẻ, làm kiếm khách Áo Trắng, ta ít khi rút kiếm ra khỏi bao, rút ra là phải chém. Hàng tục sĩ gọi ta là Kiếm Vương.

Này chư tử! Thuở còn trai trẻ, làm giang hồ kỳ thủ, ta ít khi chơi cờ. Khi đã chơi, một quân cờ đặt xuống - trọng lượng một quả núi - sẽ kết thành định mệnh. Định mệnh không lập lại hai lần. Dòng sông đã chảy, vậy thì những quân cờ kể tục đi đến chung quyết. Không do dự. Không ngập ngừng. Người đời gọi ta là Kỳ Vương.

Này chư tử! Kiếm Vương ta cũng bỏ, Kỳ Thủ ta cũng lia, khoác tay nai, dép cỏ, nón mê lang thang học Đạo. Bao mươi năm chỉ thú tinh cần mới thấy được cửa vào. Mười năm lên núi sâu thiên tu, tịch mặc. Sở chướng đã trừ. Mê lầm đã tuyệt. Núi cũng là núi. Sông cũng là sông thôi. Kiếm Vương

kia thành Kiếm Đạo. Kỳ Vương kia thành Kỳ Đạo. Tại sao như thế?

Này chư tử! Nay ta có mấy lời tâm huyết, như dao chạm đá, như kiếm xuyên mây. Hãy nghe mà lập tâm lập hạnh. Đốt cháy kiến hoặc, dội tắt nghi tình, vào chốn ngũ trần mà thông dong tự tại.

Hãy nghe đây! Phàm người tu Phật, một niệm phóng đi, tác thành nghiệp báo. Vậy hãy như tay Kiếm Vương kia, chớ khinh suất mà ra chiêu, đừng cho ý tưởng tự do khởi động. Khi ngưng tụ sinh lực. Lúc buông xả nghỉ ngơi. Hãy xuất niệm như xuất kiếm. Đã xuất là phải đạt.

Này chư tử! Phàm người tu Phật, phải tinh luyện tư duy, khô hạnh tư duy. Một tư duy đặt trên đối tượng. Một tư duy dẫn dắt hành động. Phải như tên kỳ thủ kia, một quân cờ đặt xuống, trọng lượng một quả núi. Dòng sông không chảy hai lần. Đừng do dự. Đừng ngập ngừng. Quân cờ đặt xuống là tác thành định mệnh, tác thành nhân quả, nghiệp báo.

Này chư tử! Hãy xuất cờ! Hãy xuất niệm! Hãy xuất kiếm! Bước tới! Không ngoảnh đầu! Không có sinh tử giữa dòng

cháy trôi liên li! Không có sau trước giữa vòng tròn vô thí, vô chung!”

Bài giảng kia đã từ một tu viện thâm u trên núi cao, đâm xuyên qua mấy đỉnh mây mù, băng tuyết, rơi xuống, cắm vào giữa lòng các đô thị. Người ta tỉnh giấc, bàng hoàng. Ngàn năm Phật giáo kinh điển, từ chương, thụ động, tiêu cực, đăm say, bùa chú, hương khói vật vờ; chợt đứng dậy, vươn cao, nắm định mệnh mình bước đi như thót voi lâm trận, hùng dũng hô to, cánh sát cánh, vai sát vai... ánh lửa Trí Tuệ bùng lên, thổi sinh khí, đem lại cái Đẹp, Sức Mạnh và Tự Do Tối Thượng cho con người.

Phật giáo từ thời Khâm Minh Thiên Hoàng, đến đây, hậu bán thế kỷ XV, sống lại, mang cơ thể mới, tinh thần mới, dẫn Nhật Bản đi vào thời kỳ đại phú cường. Công lao ấy có ai ngờ rằng khởi từ trí tuệ của một người: thiên sư Đại-so-kim! Ngài tịch năm 1491, nơi một am thất nhỏ ở Keti phía nam Tây Hải Đạo.

Truyện ngắn “Ván cờ sinh tử” sau đây thuật lại một trường hợp dạy Đạo của Người.

Truyện ngắn

Ván cờ sinh tử

Triều Tâm Ảnh



Thanh niên Ka-jo-ju sau khi thất vọng về đường công danh, tình yêu, sự nghiệp bèn tìm đến một tu viện trên non cao và thưa với Tu Viện trưởng:

- Thưa ngài! Con đã thấy rõ một mặt thật của đời nên mong muốn

giải thoát khỏi những đau khổ. Thế nhưng, con không có khả năng hành trì một thứ gì lâu dài. Không bao giờ con có thể sống nhiều năm trong thiền định, học tập, giới luật hay cái gì nghiêm túc tương tự như vậy. Con sẽ thôi chí và rơi trở vào cuộc đời, dầu biết rằng mình không còn chịu đựng

được. Quyên sinh là biện pháp hay nhất, có lẽ. Thưa Ngài! Vậy thì con đường nào ngắn nhất, dễ dàng nhất dành cho những kẻ như con hay không?

- Có chứ! - Tu Viện Trưởng, một thoáng lạ lùng nhìn người thanh niên rồi trả lời - Nếu con trung thực! Nhưng hãy cho ta biết là con đã học những thứ gì? Sở tri ra sao? Có thể có những khả năng như thế nào? Thẳng hoặc, con thường hay tập trung tâm ý nhiều nhất vào chuyện gì?

Ka-jo-ju có vẻ nghĩ ngợi, sau đó, y thở dài thườn thượt:

- Ôi! Thực sự thì không có thứ gì! Con chưa nghĩ là mình phải nên như thế này hoặc nên như thế nọ! Và chẳng, mục đích của sự học cũng chỉ đưa đến hư vô và phù phiếm! Công danh, sự nghiệp giữa cuộc đời này cũng chỉ là giấc mộng đầu hôm. Hiện giờ gia đình con lại khá giả nên con không cần phải làm việc. Riêng về sở thích thì... tuyệt, con thích đánh cờ nhất! Cả đời, dường như tâm trí con chỉ tập trung vào đó thôi. Trong vài cuộc tranh giải gồm những kỳ thủ già dặn bốn phương, thỉnh thoảng con cũng giật được phần thưởng ưu hạng.

- Rất tốt! - Tu Viện trưởng gật đầu - Chưa đến nỗi phải bỏ đi. Nhưng mà điều này mới thật là quan trọng, con có niềm tin nào nơi ta không chứ?

- Con đã chọn lựa.

- Thế nào?

- Ngài là Kiếm Vương - Thanh niên Ka-jo-ju chột nói lớn - lại là Kỳ Vương nữa. Ngài đã dùng sức mạnh của đạo đức và trí tuệ để thu phục nơi tu viện này những con ngựa hung hăng nhất, những tay giang hồ kiêu ngạo và bạc hãnh nhất. Không cần phải nói rằng người ta tín phục ngài như thế nào, ngài Tu Viện trưởng ạ!

- Hỡi con, này Ka-jo-ju! Ta muốn hiểu cường độ tín phục ấy ở nơi riêng con thôi.

Nghe gọi đúng tên mình, Ka-jo-ju rúng động cả châu thân. Bất giác, thanh niên đưa mắt nhìn Tu Viện trưởng, và y cảm thấy một sức thu hút kỳ lạ không cưỡng được.

Ka-jo-ju gật:

- Tín phục. Con hoàn toàn tín phục.

Tu Viện trưởng chậm rãi quay qua bảo thị giả:

- Vậy hãy cho gọi tu sĩ Mu-ju đến đây cùng với bàn cờ của y.

Người được gọi là một tu sĩ trẻ, rất trẻ, vóc người tầm thước, dáng dấp nho nhã, khuôn mặt sáng rõ, tròn trặn đầy phúc hậu.

- Mu-ju con!

- Bạch thầy, con nghe.

- Bao nhiêu năm con theo thầy học đạo. Con mời cơm, ta ăn. Ta gọi, con dạ. Ta giẫy cỏ, con cuốc đất... Tình thầy trò giữa chúng ta thật không có gì đáng phải phàn nàn cả chứ?

- Dạ, quả thế thật.

- Ta còn muốn hỏi rõ hơn nữa. Từ trước đến nay, con không hề may mắn nghi ngờ gì nơi ta đây chứ?

- Phải nói ngược lại, bạch Thầy - giọng tu sĩ trẻ chột như viên đá ngàn cân - phải nói là con tuân phục Thầy một cách tuyệt đối.

- Rất tốt! Vậy này Mu-ju! Ngay bây giờ ta yêu cầu ở nơi con sự tuân phục “Kim Cương Bất Hoại” đó.

- Xin vâng.

Tu Viện trưởng - chính là thiền sư Dai-so-kim - chột đứng dậy, bước tới bức tường phía đông. Ở đó có treo một thanh kiếm cổ, vỏ nạm bạc khảm xà cừ, nhưng tuế nguyệt đã phủ lên đây một lớp bụi đục. Gần nửa thế kỷ nay, ngài không đụng đến thanh kiếm ấy. Cái thời Kiếm Vương trai tráng oanh liệt dường như mới hôm qua đây thôi. Ngài thò tay. Một tiếng động khẽ vang lên. Kiếm đã ra khỏi vỏ. Mũi kiếm sắc lạnh ngời ánh thép xanh biếc.

Thiền sư Dai-so-kim quay lại, đứng thẳng như một cỏi tùng gân guốc.

- Này Mu-ju! Ngài nói chậm rãi - Con hãy chơi cờ với chàng thanh niên này. Và nghe đây! Nếu con thua, ta sẽ chém đầu con. Nhưng ta hứa là con sẽ được tái sinh vào một cỏi lạc phúc. Nếu con thắng, ta sẽ chém đầu chàng thanh niên. Suốt đời anh ta mãi mê ham thích trò chơi đó, nếu để thua thì chém đầu y chẳng oan tí nào.

Hai người lạnh toát sống lưng nhìn Tu Viện trưởng, và trong thoáng giây đó, họ hiểu rằng ngài nói thật.

Thanh niên Ka-jo-ju đứng trân, bất động, loáng thoáng theo hơi gió buốt lạnh câu nói xa xưa của Kiếm Vương: “Ta ít khi rút kiếm ra khỏi bao, rút ra là phải chém!” Bất giác, thanh niên đưa tay sờ lên cổ mình, mồ hôi lấm tấm, gai lạnh. Tu sĩ Mu-ju chỉ thoáng một giây sợ hãi như tí gợn trên mặt hồ rồi mất. Trọn đời bằng vào đức tin tuyệt đối nơi đức Thầy, nên việc giao phó định mệnh không phải là điều đáng suy nghĩ lâu.

Giữa thiền đường, lư trầm nghi ngút. Con gió lạnh lẽo lùa qua liếp cửa. Thiền sư Dai-so-kim ngồi xuống sau làn khói lung linh mờ ảo, tay nắm chặt đốc kiếm trịnh trọng với phong độ của một bậc tôn sư. Không khí đọng lại, trang nghiêm và tĩnh mịch đến ghê người.

Cả hai hoàn toàn bị khiếp phục.

Họ bắt đầu bước vào ván cờ sinh tử.

Ván cờ không còn là trò chơi nữa. Là cái gì nghiêm trọng nhất trên cõi đời này. Ván cờ chính là cuộc đời. Ván cờ chính là sinh tử. Và cả hai hoàn toàn tập trung tâm ý vào đó không một mây may dám xao lãng.

Chỉ vài nước khởi đầu, thanh niên đã sớm hiểu là mình đang đối đương với một địch thủ kỳ tài và già dặn. Tu sĩ trẻ lại un đúc được đức trầm tĩnh của thiền môn. Đó là những yếu tố đáng ngại. Mồ hôi từ trán chàng thanh niên

chảy dài xuống ngực. Tu sĩ Mu-ju đã chiếm ưu thế mất rồi. Và như là một lão ngựa tự tin, sung sức - chỉ cần sai từng bước đều đặn giữ khoảng cách đầu ngựa.

Chiến thắng chỉ còn là thời gian.

Ka-jo-ju quên ngoại cảnh, quên bản thân, quên cả việc sống chết. Ngay giây phút này - tình yêu, công danh, sự nghiệp, ưu hận - là những đám mây đen bị xua tan một cách nhanh chóng. Tâm trí Ka-jo-ju hoàn toàn chú mục vào cái đam mê duy nhất của đời mình. Phong độ, sinh lực, thiện xảo, sự thông minh dễ dàng trở lại với chàng. Thế là Ka-jo-ju khôn khéo gỡ từng thế một. Tuy nhiên, tu sĩ Mu-ju vẫn tranh tiên. Rất chậm, vững chãi, từng bước vây hãm thành trì, không một sơ hở tối thiểu để cho chàng thanh niên lập lại thế quân bình.

Đột nhiên, chàng thanh niên Ka-jo-ju bỏ thủ, bỏ thành trì, hy sinh quân mã, tung những đòn chớp giật. Lốp chết, lốp khác xông lên với khí thế quyết tử. Lấy công làm thủ là chiến thuật bình thường, nhưng tự hy sinh quá đột ngột, liều lĩnh và táo bạo như vật thì quả là Mu-ju mới thấy lần đầu. Đến lượt tu sĩ trẻ toát mồ hôi, từng giọt, từng giọt rỏ xuống bàn cờ. Ka-jo-ju chỉ chờ có thế. Chỉ cần một thoáng bối rối lưỡng lự của đối thủ là y chém đông chém tây những thế táo bạo - nhưng chỉ là hư chiêu - rồi rút về an toàn, bình chân như vại.

- Đệ tử vậy Ngụy, cứu Triệu, hao tổn tâm cơ là chỉ

mong cái thế bảo toàn - Ka-jo-ju thở phào nói - Thật ra, nếu đệ tử không thất vọng tình đời thì không đi những thế tuyệt mạng như vậy. Vì từ bi, vì trung hậu chân chất mà tiểu sư phụ mất thế thượng phong. Hiện giờ tiểu sư phụ dẫu hơn quân nhưng chuyện thắng bại khó biết phần ai.

Lợi dụng khi quân mã của tu sĩ đang tản mạn đó đây, thanh niên kéo đôi pháo giăng về giữ trung quân. Binh lính và ngựa ngăn ở ven sông. Một xa chột đông, chột tây, chột tấn, chột thoái xông xáo giữa chốn thiên binh vạn mã.

Tu sĩ trẻ bắt đầu thấy mình yếu thế. Tự tin một thoáng lay động là phía tả tiền bị viên hổ tướng của địch phá vỡ. Lão ngựa già của đối phương được hai chót hộ vệ chặt chẽ, hờm sẵn đã lâu, bây giờ hung hăng nhảy đến thí mạng. Thế là đôi pháo bất khuất kiên cường của tu sĩ bị loại khỏi vòng chiến.

Mu-ju đã rơi vào thế thủ. Tỉnh thoảng vẫn đánh trả những đòn đầy trầm tĩnh và nội lực nhưng thanh niên vẫn đón đỡ dễ dàng. Vào phút bất ngờ nhất, thanh niên Ka-jo-ju tung quân dự bị. Hai pháo giữ nhà đồng loạt vọt qua sông, tung đòn tối hậu.

Tu sĩ đã nguy cơ thập tử nhất sinh.

Thanh niên len lén đưa mắt nhìn vị sư. Đây là một khuôn mặt trong sáng đầy trí tuệ do bao năm tinh cần giới luật. Ôi! Một dung dấp thật đẹp ở trong một tinh thần cao khiết. Thanh niên nghĩ. Vị tu sĩ này từ hòa và đôn hậu hết

mực, mang linh hồn trong sáng như viên bạch ngọc không tỳ vết nhiễm ô; đâu có hắc ám, bụi bặm, hiều chiến, tảo tợn và đa sát như ta? Ôi! Một nhân cách như vậy mà bị kết liễu cuộc đời thật uổng lắm thay! Ta là gì? Một kẻ du thủ du thực, vô tích sự, ăn bám mẹ cha và xã hội; nếp sống dơ dáy, hư hỏng, nội tâm đầy rẫy những ham muốn bất chánh và hèn hạ. Giá trị đời ta chỉ có thể thôi. Rơm rác còn có ích hơn ta.

Thanh niên nhẹ nhẽu thở dài. Và lòng từ bi khởi lên dịu dàng xâm chiếm lòng chàng. Ôi! Cuộc đời vô giá trị của ta nên hy sinh cho cuộc đời có giá trị.

Nghĩ thế xong, thanh niên khôn khéo tạo những sơ hở kín đáo, chỉ những kỳ thủ trừ danh mới biết được. Một thế, hai thế. Vậy là quá đủ cho tu sĩ lấy lại quân bình rồi chiếm luôn ưu thế tấn công.

Thanh niên Ka-jo-ju biết mình sẽ thua, lát nữa thôi, nhưng chàng không đồ mồ hôi, không lạnh lưng, không lạnh gáy. Một an tĩnh mênh mông, thân thiết vây phủ tâm hồn chàng. Chưa bao giờ mà chàng chờ đợi cái thua - nghĩa là chờ đợi cái chết - một cách dịu dàng trong sáng, bình lặng và thanh khiết như vậy.

Tu sĩ trẻ ngần ngại. Ngón tay vừa thò xuống quân cờ định mệnh, vội rút lui. Cũng vì lòng từ bi mà tu sĩ không nỡ hạ thủ.

Bàn cờ bất động giữa hai người.

Đối với những tay cờ ưu hạng, không có thể cuối cùng, Ka-jo-ju hiểu vậy, và vì đã nguyện hy sinh, bèn thò tay xuống...

Bỗng một làn khí lạnh lướt qua. Tu sĩ Mu-ju thoáng thấy thiền sư Dai-so-kim đứng dậy chập chờn sau làn khói hương. Và một tia chớp phủ chụp xuống đầu chàng thanh niên. Tu sĩ nhắm mắt lại, khẽ tuyên Phật hiệu...

Thiền đường lặng ngắt như tờ. Tu sĩ trẻ định thần mở mắt ra. Mắt y chợt tròn vo, kinh ngạc. Cái đầu với tóc tai rối bù của chàng thanh niên đã bị cạo nhẵn thín. Và giọng thiền sư Dai-so-kim trầm âm, mồn một bên tai:

- Chỉ cần có hai điều, Ka-jo-ju con hối! Ấy là sự tập trung tâm ý hoàn toàn và lòng từ bi. Hai yếu tố quan trọng của Đạo Giác Ngộ. Thế mà hôm nay con học được cả hai. Con đã tập trung tâm ý có hiệu quả vào ván cờ. Sau đó vì lòng từ bi mà con nguyện hy sinh mạng sống mình. Thôi, hãy ở lại đây, áp dụng kỹ luật của chúng ta trong tinh thần đó. Giải thoát sẽ là kết quả đương nhiên như mũi tên đến tiêu điểm theo đường nhắm đúng.

Thanh niên Ka-jo-ju đưa tay sờ lên đầu mình, chàng mỉm cười.

T h a n h s ắ c

Phan Cát Tường

Đêm chuông mõ: trần ai là thanh sắc
Ngày trống chiêng: đời bỗng hóa hội hè
Tìm dăm phút tâm trở về tĩnh lặng
Khó làm sao khi người mãi vọng tìm!

Ta tự hỏi giữa hai mùa mưa nắng
Ta đi đâu thoát nhật nguyệt trắng sao?
Thôi đành nhủ, Niết Bàn như cõi mộng
Sống hồn nhiên giữa thanh sắc Ta Bà.

Mùa trần trở giữa mùa qua rét mướt
Mây qua đầu và nắng cũng xôn xao
Xin mượn gió làm câu kinh buồn bã
Tụng cho người dang dở giấc chiêm bao.

Và em nhé đừng phí mùa nhan sắc
Hãy đi qua như cơn bão mịt mù
Để em thấy trần gian như huyễn mộng
Mà thương cho cánh nhạn giữa muôn trùng.

(tháng 6/2014)

Những ngôi chùa trong hẻm nhỏ

Huỳnh Như Phương



Hè 1969, lần đầu tôi được vào thăm Sài Gòn. Căn phòng cậu tôi thuê trên đường Nguyễn Huỳnh Đức nằm ở cuối một con hẻm nhỏ xíu, chỉ vừa cho một chiếc xe ba gác chạy qua. Rải rác hai bên hẻm là mấy ngôi mộ xi-măng lạnh lẽo với những nén

hương chập chờn buổi tối dưới ánh đèn vàng.

Bữa đầu tiên đi chơi về khuya, tôi nghe tim mình đập nhanh, hai mắt ngó thẳng đàng trước mà chân hơi riu lại. Tôi mừng tượng như có ai dõi theo bước chân mình. Giữa lúc đó bỗng vang lên tiếng chuông ngân rồi tiếng tụng kinh trầm trầm vọng lại. Thì ra nằm lẫn giữa những căn

nhà của đồng bào lao động là ngôi chùa nhỏ mang tên Phổ
Nguyện.

Tuổi thơ tôi chỉ quen với những ngôi chùa thoáng
đăng ở quê, được bao quanh bởi một khu vườn nhiều cây
cao bóng cả, trên một ngọn đồi lộng gió hay nhìn ra cánh
đồng mênh mang sóng lúa. Không gian nơi đó thật tĩnh lặng,
hồn người như tan biến trong thế giới xa lánh bụi trần.

Ấy là lần đầu tôi nhìn thấy một ngôi chùa nhỏ nằm
nếp mình khiêm nhường trong hẻm phố. Tượng Phật cũng
nhỏ, như luôn lắng nghe và mỉm cười trước những biến
động ngay bên ngoài đường lớn: tiếng người réo gọi, tiếng
xe cộ âm ào, tiếng còi xe cứu thương, tiếng còi hụ giới
nghiêm... Ban ngày tiếng chuông và tiếng mõ bị những âm
thanh hỗn tạp đó lấn át, chỉ đến gần khuya mới tìm cách
thoát ra được lên khoảng trời đêm Sài Gòn.

Từ hôm đó, những bữa đi về khuya trong hẻm, nương
theo tiếng chuông chùa, tôi không còn thấy lo sợ nữa.

Hai năm sau, tôi trở lại Sài Gòn, người cậu đã mua
được căn nhà ở đường Trương Minh Ký, nay là đường Lê
Văn Sỹ, trong một ngõ hẻm rộng hơn trước, xe tắc-xi có
thể ra vào. Điều thú vị là ở cuối ngõ hẻm này cũng tọa lạc
một ngôi chùa thuộc hệ phái Bắc tông, được xây dựng từ
năm 1930: chùa Giác Ngạn. So với chùa Phổ Nguyện, chùa
Giác Ngạn có khoảng sân khá rộng với tượng Bồ Tát Quán
Thế Âm hiền hòa nhìn xuống hồ sen, với tàn phượng vĩ che

mát bên công tam quan. Mỗi ngày dân phố nghe chùa khai chuông buổi sớm và tiếng chuông hoàn mãn buổi chiều sau khóa lễ.

Như một duyên số, từ khi vào học rồi lập nghiệp ở Sài Gòn, gần 40 năm, tôi ở loanh quanh miệt Phú Nhuận. Có lúc chuyển nhà đi nơi khác rồi cũng tìm cách trở về chốn cũ. Và cũng như khắp các ngõ hẻm của Sài Gòn rộng lớn, Phú Nhuận không thiếu những ngôi chùa nhỏ nằm ẩn mình trong lòng phố đông.

Mười năm nay gia đình tôi chuyển đến một khu nhà liên kế trên đường Trần Hữu Trang, xưa là đường Thiệu Trị. Đường này thật ra cũng hẹp như một con hẻm thôi, kéo dài ngang đường sắt, dẫn đến chợ rồi ra ngã năm gần công xe lửa số 6. Nằm ngay bên cạnh đường xe lửa là chùa Quang Minh, được xây dựng vào năm 1951, rào che nhờ một bức tường thấp; gần cổng chùa tập nập kẻ bán người mua: hàng hoa, hàng rau, hàng trái cây, bàn vé số bày san sát. Ban đêm những kẻ không nhà vào chùa ngủ nhờ trên ghế đá dưới bóng lá bồ đề.

Mỗi năm, vào độ đầu hè, đi ngang chùa Quang Minh, thấy dòng chữ treo trước cổng “Mùa thêm tuổi đạo”, biết là lễ Phật đản sắp về. Ngày Tết, xuất hành đến chùa lễ Phật, không phải xếp hàng giữa khói hương nghi ngút như những chùa lớn. Chùa nghèo nhưng cũng có một khay phong bì giấy đỏ để mừng tuổi khách thập phương. Thắp hương đánh

lẽ xong, khách trân quý nhận phần lộc của mình, lại còn xin thêm một phần cho người thân ở nhà, nhìn lên thấy Phật nở nụ cười hỉ xả.

Ngẫm nghĩ, thấy những ngôi chùa trong hẻm nhỏ như thế này thường chịu khá nhiều thiệt thòi. Phật tử và khách thập phương ít biết đến, nên những chùa này không dập dìu du khách như những ngôi chùa ở mặt tiền đại lộ. Sách báo thường giới thiệu những danh lam cổ tự, chẳng mấy khi để ý đến những ngôi chùa nghèo, ít tuổi. Thùng phước sương ở đây nhận công đức của bá tánh không nhiều. Hẻm chật, quanh chùa không có chỗ cho hàng ô-tô đậu nối đuôi nhau. Sân chùa không có cảnh đẹp thu hút nhiều người chụp ảnh, cũng không có những lồng chim bán để phóng sinh. Lại càng không có cảnh tranh nhau nhét tiền vào tay Phật (!).

Đây là những ngôi chùa của khu phố, như những chùa làng, chùa xóm ở quê. Tiếng mõ câu kinh có thể khiến lòng người dịu lại, nhắc nhở người ta buồn ngay bán thật. Phật ở ngay bên cạnh chúng sinh, bên những người cơ nhỡ, những người bệnh trọng, những kẻ cùng đường phải kiếm sống quanh những thùng rác ngoài đầu hẻm.

Phật nghiêng xuống đời thường, nghiêng xuống những kiếp người, nên con người cũng không phải ngẩng mặt lên quá cao để đón lấy nụ cười bao dung của Phật.

CHUÔNG CHIỀU

Nguyễn Châu Đức

Ngân nga
Thanh thảo tâm hồn
Chiều nghe chuông nguyện
Hoàng hôn lặng về.
Giật mình
Ta tỉnh cơn mê
Chiều xa chuông vọng
Trăng thè đầu non.
Buồn đau
Thân thể hao mòn
Đục trong dội rửa
Sạch trơn cõi lòng.
Ta về
Bên cõi hư không
Chuông chiều
Thức tỉnh
Mênh mông bến bờ...

Ba tôi

Nguyễn Văn Kỹ



Tháng tư năm nay, gia đình tôi kỷ niệm 20 năm ngày ba tôi về với tổ tiên, về với Thầy – Tổ.

Sinh thời ba tôi rất dễ tính, không bao giờ la mắng con cái, việc gì ông cũng từ tốn khuyên bảo. Việc ăn uống với ba tôi còn dễ hơn nhiều.

Bữa cơm hàng ngày không cần cầu kỳ chỉ cần cơm canh, vài món ăn bình thường là được nhưng con cái phải quây quần bên nhau đầy đủ nhất là bữa tối... Ông bảo mình đi tu nên mọi thứ hãy xem nó thật bình thường miễn sao đường đạo sáng bên mới là miền chân lý.

Ba không nói rõ cho tôi biết ông đi tu từ khi nào, chỉ vào khoảng năm 1942 hay 1943 gì đó. Ba tôi đến với đạo Phật Thầy (đạo Bửu Sơn Kỳ Hương) rất tình cờ vì ông có một người cháu họ theo học đạo từ Sư Hai (tức Đạo sư Đăng Văn Cứng) thông qua một người bạn là cụ Đồng Đoàn. Ba

tôi là một trong các ông đạo tiên bối của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở Bà Rịa Vũng Tàu bây giờ. Ba cho biết ngày xưa khi học đạo mọi thứ đều là bí ẩn, việc học đạo cũng rất là gian nan “*Truyền khẩu bất truyền thơ*”. Hầu hết học trò nào của Sư Hai đều học Mật tông để trị bệnh cứu đời và tu tại gia. Sau năm 1945, mọi thứ đều khó khăn nhất là kinh tế, việc tu hành cũng không được dễ dàng vì tất cả cho kháng chiến. Rồi năm 1952, ba tôi cùng nhiều anh em đồng đạo đi bộ nhắm hướng Nam mà vào, sau 17 ngày đêm họ đến vùng Phú Yên. Vì quân Pháp đóng khu vực Đèo Cả nên họ đành ở lại Phú Yên. Tại đây ba và bác tôi đã truyền đạo cho rất nhiều người và gặp mẹ tôi. Ông ngoại tôi rất mộ đạo, là người khá giả và có uy tín trong vùng, mỗi đạo được mở ra ở đây. Đình chiến - 1954, ba tôi và một số anh em đồng đạo mới vào được Sài Gòn, rồi lên An Giang Hà Tiên tìm thầy (Sư Hai). Điều mà ba nói là ông chưa hề biết miền Tây là ở đâu, nhưng ơn trên gia hộ cho ông và anh em tìm đến đất Hà Tiên gặp lại Sư Hai.

Ba tôi kể, chín năm kháng chiến chống Pháp lúc còn ở Quảng Ngãi, ông đi dân công gánh gạo cho tiền tuyến. Là người rất khoẻ nên sức gánh của ông có thể gấp đôi người bình thường. Thời đó làm gì có xe cộ tất cả đều sức người cả. Nhiều khi đi cả tuần mới về đến nhà. Theo chỉ tiêu thì mỗi người một ngày được cấp một ký gạo để ăn trên đường công tác. Với ông chỉ nấu một ký gạo đó vào buổi tối và ăn

luôn, ngày hôm sau chỉ uống nước khi đến bữa. Nghe ba kể anh em tôi ai cũng nề. Ba tôi rất có hiếu với nội, ông nội mất khi ba lên hai tuổi nên tất cả mọi yêu thương ba đều dành hết cho bà nội. Nội tôi là người rất khó tính, từng nếp ăn cách ở bà đều rất kỹ nhưng với con cháu của bà phải nói là như của quý vậy. Bữa cơm tối mỗi ngày ba tôi đều dành nhiều lời hay để dạy bảo con cái. Ba tôi dạy con cháu điều đầu tiên không làm ăn cho thật giàu có mà làm cho tròn “nhân đạo” thứ mà cả đời ông đã học, đã hành và có kết quả như ý nguyện.

Hồi còn khó khăn của những năm 80, dưới ánh đèn dầu, bữa cơm tối ba hay kể cho anh em tôi đủ thứ chuyện: Chuyện thời chín năm kháng chiến; chuyện ông đi chạy xe chở hàng ở Sài Gòn những năm 60 của thế kỷ XX; chuyện đi bộ từ Quảng Ngãi đến Phú Yên ròng rã 17 ngày đêm (năm 1952). Có lẽ sức mạnh tâm linh, tin đạo đã giúp ba và những vị tiền hiền đã vượt qua bao lần thử thách gian nan mà theo ông có khi là mất mạng giữa đường! Cuộc đời của ba tôi là con đường trau dồi đạo hạnh. Lúc sinh thời ông ít nói, ít tranh luận nhưng rất hiểu và tin mỗi đạo mình đang tu học có lẽ vì vậy ai cũng kính trọng, ai cũng thích nghe ông nói chuyện đạo, có khi ông nói chuyện đạo cả buổi mà quên cả chuyện cơm nước. Ba tôi không học nhiều nhưng có trí nhớ rất tuyệt vời, có những bài kệ, kinh sách đọc vài lần là ông đã thuộc, đọc trôi chảy. Ba tôi hay đọc truyện thơ

Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu hay Truyện Kiều để ru con cháu, những sách này ông chỉ đọc ít mà thuộc hầu như gần hết. Ở cái vùng quê yên ả này, cuộc sống đầy yêu thương gắn bó, không chỉ anh em tôi mà cả trong làng ngoài xóm ai cũng quý mến ba tôi, một con người giản dị ít nói nhưng giàu lòng nhân ái. Những năm 80, nhiều người ở miền Trung vào vùng Bà Rịa sinh sống, không có đất sản xuất ba mẹ tôi đều cho họ mượn để canh tác mà không đòi hỏi bất cứ điều gì. Rồi một ngày đầu hè năm 1994, sau một cơn bạo bệnh bất ngờ ba tôi mãi mãi ra đi để lại cho cả nhà tôi một sự trống vắng nhớ thương! Thường thì ba tôi ít nói nhưng đến lúc sắp ra đi ba tôi lại dành thời gian hiếm hoi còn lại để dặn dò đồng đạo, huynh đệ con cháu lo mà hành chữ tu, rèn tâm sửa tánh.

Mỗi năm tết đến tôi lại nhớ đến ba với vài câu thơ ngắn, những bài kệ, những lời truyền trong kinh sách để học Phật và đến với đạo Nhân cho mình và cho mọi người. Học đạo đâu chỉ học kinh sách, học lời giảng giải thấp cao mà học cả tấm gương của con người và may mắn tôi một người cha như vậy để noi theo mà tu dưỡng. Mùa báo hiếu mỗi năm, anh em chúng tôi làm mâm cơm chay dâng cúng tổ tiên, cầu nguyện cho ba về với Thầy - Tổ như những gì sinh thời ông luôn hướng đến.

MỜI EM LY RƯỢU CUỘC ĐỜI

TRẦN THOẠI NGUYỄN

Mời em ly rượu cuộc đời
Đắng cay diệu ngọt thắm lờn yêu thương.
Trăm năm khoảnh khắc, vô thường
Uống say! Sống tận máu xương một lần!
Ngày vui bất tuyệt là xuân
Hương hoa yếm tiệc của trần gian đây.
Nâng ly! Tuổi trẻ cầm tay,
Tình đầu tình cuối ly này, em ơi!

Sigmund Freud, nhà phân tâm học nổi tiếng người Áo cho rằng thẳm sâu trong tâm hồn mỗi người là hiện thân của loài thú, gốc rễ của tham lam, tội lỗi, hận thù... Chỗ thẳm sâu đó, Duy thức học Phật giáo gọi là A lại da thức, nơi không chỉ chất chứa điều ác như Freud nói, mà điều thiện lành cũng nương tựa nơi đây. Kinh Địa tạng thì cụ thể hóa khái niệm “vạn pháp duy thức” của Phật giáo và kể cả khái niệm Vô thức của Freud bằng cảnh giới Địa ngục.

Tuy vậy, Địa ngục không phải là chỗ giam hãm con người vĩnh viễn. Phật giáo vẫn hé mở một cánh cửa dành cho những tâm hồn tội lỗi. Đó là đại lễ Vu lan, một sinh hoạt văn hóa Phật giáo hàng năm vào rằm tháng Bảy. Ý nghĩa chính của đại lễ này là ngày báo hiếu song thân, ngày mà cánh cửa địa ngục mở ra để xá tội vong nhân, những tù nhân khổ não được giải phóng khỏi địa ngục Vô gián.

Trên khái niệm căn bản này, nhân đại lễ Vu Lan, những người sống trên thế gian có thể tự mở cánh cửa lòng của chính mình để đến với nhau và nói cho nhau nghe những ẩn khuất hận thù nằm trong góc tối khiến tâm hồn cho mình bị ngăn cách với mọi người. Đó là ngày mọi người có thể làm lành với nhau bên cạnh ý nghĩa hiếu thuận vốn có của ngày đại lễ.

Và truyện ngắn “Người khách lạ” của nhà văn, nhà giáo Lê Tất Sĩ gửi đến Hương Thiền từ Đắc Nông cũng là tiếng lòng thổn thức của một con người muốn nói lời tạ lỗi với tha nhân khi Vu Lan gõ cửa...

PHAN CÁT TƯỜNG

NGƯỜI KHÁCH KHUYA

Tịnh viên LÊ TẤT SĨ

1. Tiếng chuông hồi hương vừa thình xong, đang cởi áo tràng, bỗng nghe tiếng cô con gái út vọng lên: “Bố ơi, có khách” – tôi thầm nghĩ: Quái lạ, khách nào mà đến giờ này nhỉ?

- Ừ, bố xuống ngay, con nhớ rót nước mời khách giúp bố nhé – Tôi nói vọng xuống

Vừa đi xuống cầu thang, tôi cố đoán mà không ra ai lại đến vào giờ khuya khoắt như thế này, chắc là có gì hệ trọng, nếu không, ngày mai cũng là chủ nhật rồi, đâu có vội vàng gì.

- Chào bác... em chờ bác cũng khá lâu, từ lúc bác vừa khai kinh. Tôi định thân... Cái anh chàng này lại vác mặt đến nhà mình ư? Chuyện oán thù của sáu năm về trước còn sờ sờ ra đó. Hai đơn tố cáo, vu khống và chụp mũ...

Một thoáng hờn giận. Tôi, may nhờ, vừa tụng một thời kinh sám hối xong, nên tâm hồn cũng nhẹ nhõm.

Tôi cười gượng: Chú ấy à? – Tôi hỏi bằng một giọng không mấy thân thiện.

Dạ... dạ... Thưa bác – lời người khách nói chùng

xuống với dáng điệu khom khom. Em tới nhà bác lần này là lần thứ hai. Năm ngoái, cũng vào giờ này, em có đến nhưng em ngại quá, không dám vào, sợ bác còn giận em. Mà em cũng đáng làm bác giận thật... Khách nói một hồi, dường như muốn trút hết nỗi lòng mà bấy lâu nay ấp ủ. Em thiệt có lỗi nhiều với bác quá. Năm này, em hạ quyết tâm, dứt khoát gặp bác cho bằng được để xin tạ tội cùng bác về những chuyện đã qua....Mấy năm nay, sau nhiều lần suy nghĩ, em nhận ra được những sai trái của mình. Thật ra, hồi ấy... vì suy nghĩ cạn, bị người ta kích xúc nên có những điều không hay làm bác phiền muộn, bực bội. Hôm nay, nhân mùa báo hiếu, và cũng là ngày xóa tội vong nhân, ở dưới địa ngục, các phạm nhân còn được mở, hưởng hồ trên dương thế... nên em đến đây cầu xin bác hoan hỉ tha thứ...

Tôi im lặng ngồi nghe, cố nuốt giận vào trong và thầm nghĩ: Dù sao chuyện cũng qua rồi, và chính quyền địa phương cũng rất sáng suốt trong các giải quyết. Mình là người lớn hơn, ít ra anh chàng này cũng còn biết điều phải trái thì mình cũng đừng chấp làm chi thêm cho mệt bụng, nên lòng cũng nguội ngoai...

- Thưa bác, nhân đây, để tỏ lòng sám hối, em xin lạy bác một lạy – Vừa nói, khách đứng dậy, chắp tay và quỳ xuống.

Thấy hành động quá đường đột, tôi vội vàng đứng lên can ngăn: “Ấy chết... chú đừng làm như thế! Thôi được

rồi, chú đứng dậy đi, biết sai trái là quý hóa lắm rồi”.

Tôi kéo dậy và chỉ ghế mời ngồi.

- Như chú biết đó – tôi tiếp lời – Đức Phật dạy rằng: “Ồ đời, có hai hạng người đáng trân trọng; một là, người không bao giờ phạm sai lầm; hai là, hạng người sai lầm mà biết mình sai lầm. Hạng thứ nhất chỉ các vị Bồ Tát, còn hạng thứ hai là như chú đó...”

- Bác quá khen, em tội lỗi đầy mình, được bác tha thứ là một diễm phúc cho em. Thưa bác, sau sự việc đáng tiếc đó xảy ra, mấy năm nay, nhiều khi nghĩ lại, mình thấy sai quấy quá. Hồi ấy, vì để thỏa mãn tự ái một chút mà suýt nữa gây tai họa... Lạy Phật, em không dám nghĩ nữa...

Tôi thở dài, nhìn người khách khuya trong thái độ ăn năn thực sự mà cảm động. Tôi đặt tay lên vai người khách rồi nhỏ nhẹ: Này chú, trước đây tôi giận việc của chú lắm... và nghĩ rằng sẽ không bao giờ quên. Nhưng rồi thời gian cũng nguôi ngoai. Tôi cũng được bình yên vô sự. Hơn nữa, như lời Phật dạy: Oan gia nên cõi bỏ, ôm vào làm gì thêm mệt. Vả lại, mọi sự mọi vật, có khi nào tự phát sinh được đâu! Bởi có cái này... nên có cái kia. Tất cả là trùng trùng duyên khởi phải không chú? Điều rất may là chúng ta ít nhiều thấm nhuần giáo lý Phật đà, nên xử sự có khác.

Bản thân tôi, rất nhiều khi cũng nhảy chưa qua được bóng mình. Tâm sân hận một thời gian còn ngút ngàn, dù năm tháng có nguôi ngoai, nhưng trong Tang thức A lại da,

cũng đã chất chứa thù hận, những e, khi có điều kiện, chúng tử kia hiện hành, rồi hận thù chất chứa hận thù, thì tội phước khó lường. Nay, chú thành tâm đến đây tạ tội, thì tôi cũng chân thành biết ơn chú đã giúp tôi cởi mở được cõi lòng mà từ lâu tôi đã sân hận vương mang...

Chấp tay xá khách – nước mắt chảy dài trên má.

Chủ và khách ôm nhau...

Thời gian ngừng đọng. Không gian mênh mông...

- Bố ơi, nước trà nguội rồi...

2. Chuyện xảy ra vào mùa Vu Lan cách nay không lâu, đêm 14 tháng 7 âm lịch, đúng lúc 12 giờ khuya. Vào giờ này, theo quan điểm của Phật giáo: các địa ngục đều được mở cửa cho các phạm nhân...

3. Chủ và khách cũng đều được mở, ngay trên trần gian.

4. Ai trói?

- Câu trả lời xin dành lại cho các vị thiền sư.

5. Còn người viết, chỉ xin tâm nguyện thêm một điều:

- Vu lan là ngày hiếu hạnh, và cũng là ngày xóa tội vong nhân. Đã đành!

- Thế thì, có nên chăng, phục hoạt thêm: Vu lan là ngày xóa tội cho nhau, ngày làm lành với nhau, xóa bỏ những hận

PHẬT TRONG NHÀ

THÀNH NGỌC

Mùa Vu Lan, mẹ chưa kể con nghe
Những năm tháng tảo tần lận lộn
Cha vẫn cười nơi ruộng rẫy xa xôi
Mẹ bao dung che chở con vào đời.
Mùa Vu Lan, bài học nào chưa thuộc
Phật dạy Tứ Ân – thập sáng đạo làm người
Đi đâu cũng nghĩ về lời Phật
Phật ở trong nhà... kiếm ở đâu xa?

thù, phiền muộn, đau khổ với bao thành kiến, bao ngộ nhận sâu dày từ đời này sang kiếp nọ; giữa cha – con, vợ – chồng, anh – chị, bạn bè, thân thuộc, xóm giềng...

6. Biết đâu, ngày này, sang năm và những năm sau nữa, những cặp cừ nhân, vào lúc đêm tối – họ tìm đến nhau – bằng tất cả tấm lòng. Họ đã làm lành đến nhau trong hồng ân của chư Phật.

Mong lắm thay!

Bên dòng Sêrêpôk, trọng thu 2004
Lê Tất Sĩ

Bông hồng trắng gửi cha yêu

Nguyễn Hải Thảo



Từ nhiều năm qua, tôi có thói quen cứ vào Rằm tháng bảy ÂL, dù bận cách mấy tôi cũng thu xếp đến dự lễ Vu Lan ở một ngôi chùa nào đó. Bởi tôi thích được hòa mình vào những hình thức nhắc nhở con cái thể hiện sự quan tâm đến cha mẹ, nhất là nghi thức “*bông hồng cài áo*”. Nhìn cả rừng người trên ngực ai cũng được cài bông hồng, có chị cài bông hồng đỏ, có anh cài bông hồng trắng, tôi thật xúc động. Bởi chỉ ít trong ngày lễ trang nghiêm và thiêng liêng này, những người con cũng có dịp thể hiện lòng hiếu đễ đối với những bậc sinh thành.

Rằm tháng bảy năm ngoái, tôi đến dự lễ Vu Lan ở chùa Liên Hoa. Trước khi vào chánh điện lễ Phật, tôi cũng như mọi người, được các Phật tử mời cài bông hồng. Khi cô bé hỏi “*Chú chọn bông hồng màu gì để cháu cài?*”, tôi chỉ bông hồng trắng. Ngay phút giây đó, tôi bỗng nhớ đến người cha đã mất và mắt cay cay. Tôi quay đi để giấu vội giọt nước mắt đang ứa ra hai bên khóe. Không hiểu sao cứ

mỗi lần nhớ đến cha, lòng tôi lại rung rung muốn khóc, mặc dù ông đã mất cách đây mấy mươi năm...

Mới sinh ra chưa được mười ngày, vì hoàn cảnh riêng, tôi đã được cha mẹ nuôi đón về. Và tôi đã sống chung với cha mẹ nuôi từ đó cho đến lúc cả hai lần lượt qua đời. Do cha mẹ nuôi không sinh được con trai nên tôi được thương yêu, chăm sóc không khác gì con đẻ.

Cha tôi là y sĩ nhưng bản tính khá kiêu lời, chỉ thể hiện tình thương các con qua cử chỉ, qua hành động hơn lời nói. Tôi nhớ những lần mình bị trúng nắng, trúng mưa do trốn ngủ theo lũ bạn cùng xóm ra đường chơi đánh đáo. Thay vì bị đánh đòn nhưng tôi chỉ bị “ép” uống thuốc, tiêm thuốc kèm theo lời mắng nhẹ của cha “Nếu sợ tiêm thuốc đau, mai mốt nhớ chữa cái tật buổi trưa hay trốn nhà đi chơi!”.

Tuy có ham chơi nhưng tôi học hành cũng khá, tháng nào cũng mang bằng danh dự (giấy khen) về trình cha. Cha tôi chỉ nhìn sơ qua “thành tích” của con rồi nói: “Học vậy tốt đó. Gắng nữa nghe!”. Những lúc như vậy, lòng tôi có chút buồn, chút thất vọng nhưng tôi vẫn học tốt, sức học không hề giảm sút. Cho đến một hôm, tôi quyết định nói với cha nỗi thất vọng của mình: “Mấy đứa bạn chung lớp, đứa nào mang bằng danh dự về cũng được cha mẹ thưởng quà, dắt đi ăn uống. Còn con có học giỏi cũng chẳng được một món quà, dù là một cây bút máy!”. Nghe tôi than thở, cha

tôi “lạnh lùng” phán: “Con quan trọng mấy món quà đó tới vậy sao? Công cha mẹ nuôi con lớn khôn, ăn học còn hơn mấy món quà kia nhiều!”. Từ lời cha dạy hôm đó, tôi hiểu được công ơn lớn lao của cha mẹ và không còn buồn hay thất vọng nữa.

Những ngày tôi thi Tú tài (tốt nghiệp phổ thông), cha lúc ấy đã có tuổi nhưng vẫn theo tôi đến địa điểm thi. Ông đứng lo lắng suốt mấy tiếng đồng hồ ngoài cổng, chờ tôi bước ra để hỏi thăm có làm bài được không, rồi về nhà nhắc mẹ nấu những món ăn ngon để tôi bồi dưỡng. Càng ngày tôi càng cảm nhận được tấm lòng của cha và càng thương yêu cha vô bờ...

Giờ đây, đã mấy mươi mùa Vu Lan trôi qua, tôi không còn điểm phúc được cài trên áo bông hồng đỏ. Vu Lan năm nay cũng vậy, tôi biết chắc chắn trên ngực áo mình sẽ cài một bông hồng trắng. Nhưng có hề chi, miễn là trong tâm tưởng tôi luôn có hình bóng cha. Và Vu Lan là dịp để tôi và những người con mất cha thể hiện lòng tưởng – tiếc đối với các đấng sinh thành.

Bài viết này như một bông hồng trắng con gửi đến cha - cha yêu ơi!!

Đức Phật Trùm là ai?

Nguyễn Văn Hầu

Bửu Sơn Kỳ Hương có nghĩa là mùi thơm kỳ diệu trên đỉnh núi thiêng liêng. Có bốn câu thơ sấm truyền rằng:

Chữ “Bửu” là chữ Phật Vương

Chữ “Sơn” Phật Thầy tin tưởng phước dư

Chữ “Kỳ” là hiệu Bốn Sư

Chữ “Hương” Phật Trùm bốn chữ phải mang.

Chúng ta tìm hiểu đôi nét vị Phật thứ tư trong Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ứng với chữ Hương cuối cùng là vị Phật thứ tư, là đức Phật Trùm.

Ngài tên là Tà Paul sinh năm nào chưa tìm ra được. Quê ở sóc Lương Phi, núi Tà Lôn, núi này trong vùng Thất Sơn, ở góc núi Dài về phía núi Tô (gần kinh Tám Ngàn) thuộc Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngài vốn thật là người Campuchia, lúc còn là thường nhân đầu cạo trọc, ăn mặc theo lối Khmer, nhưng khi thành đạo, Ngài để tóc và ăn mặc theo người Việt. Ngài có vợ và 4 người con gái, hiện nay miêu duệ còn tại chùa Phật Trùm ở Tà Lôn.

Chữ Thum (Trùm) trong tiếng Khmer có nghĩa là

Ông Lớn, Bề Trên, có lẽ người dân nghe Ngài xưng là được Ông Lớn của Phật sai xuống cứu đời, nên gọi Ngài là Đức Phật Trùm. Lại thấy ngài trị bệnh hay dùng sáp đèn cầy để chữa bệnh nên người ta cũng gọi ngài là ông Đạo Đèn.

Năm Mậu Thìn (1868), quanh vùng Tà Lôn nhân dân bị bệnh dịch và chết vô số. Khi ấy ngài cũng mang bệnh rồi chết. Về đêm, gia quyến ngài định quàn lại sáng hôm sau sẽ đem ra hỏa táng, không ngờ trời rạng đông, ngài tự nhiên sống lại và đi đứng mạnh giỏi như thường. Nhiều người Campuchia thấy vậy xúm lại mừng rỡ hỏi thăm, Ngài không trả lời bằng tiếng Khmer mà chỉ nói tiếng Việt. Ngài còn bảo vợ con từ nay hãy ăn ở nói năng theo phong tục người Việt. Vài hôm sau, ngài bắt đầu nói giọng nửa hư nửa thực, hỏi tại sao thì ngài trả lời bằng hai câu thơ rằng :

*Ở đời hạ giới yêu ma,
Phật cho Thầy xuống để mà giảng dân.
Tuy là phân xác của Miên,
Hồn Trùm của Phật xuống lên dạy đời.*

Từ ấy Ngài bắt đầu trị bệnh, ban đầu còn cứu người về bệnh dịch tả, sau bệnh này lui rồi thì người ta đem đến bệnh chi ngài cũng trị được. Tiếng đồn vang dội khắp nơi, thiên hạ đến để bái sư cầu đạo mỗi ngày một đông không xiết kể.

Khoảng năm 1870, lúc này tín đồ người Việt theo ông đã khá đông. Thấy vậy, một số người Việt gốc Khmer

trong xóm Xà Tôn (Tri Tôn) vu cáo là ông mượn chuyện đạo, chuyện trị bệnh để quy tụ, để cổ xúy nhân dân nổi loạn, nên nhà cầm quyền bắt Ngài về Châu Đốc và không cần xét hỏi hư thực, người ta đem giam ngài vào ngục.

Theo lời ông Nguyễn Phước Còn, tục gọi ông Bảy Còn ở tổng Định Hòa (Long Xuyên) đã nghe kể lại thì trường hợp này cũng gần giống như trường hợp bị bắt của Phật Thầy Tây An. Mặc dù ngài bị bắt giam cầm trong ngục thất, nhiều người vẫn thấy ngài thong thả dạo chơi như người vô sự ở ngoài phố chợ. Bởi vậy, nhà cầm quyền Pháp hết sức nghi nan, họ bắt ngài bỏ vào cũi sắt rồi đem liệng dưới sông, thế mà khi khiêng đến bến, ngài vẫn điềm nhiên ngồi trong cũi hút thuốc như thường.

Nhiều người tín đồ của Ngài giả dạng khách thương buôn để đến thăm dò tin tức, thấy thầy bị hành hạ như thế họ đau lòng hết sức, nghĩ bụng rằng Ngài không còn tài nào sống được. Nhưng trái lại, một chặp sau họ thấy Ngài xả tóc ung dung đi đứng trên đường.

Người ta thử đủ cách mà ngài vẫn không chết, có lần họ bỏ ngài vào vạc dầu sôi, ngài an nhiên không chút sợ sệt, và khi đem ra ngài không bị vết phỏng nào.

Thấy như vậy, người Pháp tuy có mền phục tài năng, nhưng thâm tâm còn sợ nếu thả ngài ra thì quần chúng càng tin tưởng thêm, mà chính cái tin tưởng ấy sẽ gây ra cho ngài một thế lực mạnh mẽ, vì thế họ cho đày Ngài ra hải ngoại.

Trong lúc ở hải ngoại, người ta bắt Ngài đi làm việc và chăn heo, cũng như những tội nhân thường phạm khác. Vào mỗi buổi sáng sớm, mỗi người phải lừa lên núi hai con heo cho ăn, rồi chiều lại lừa về.

Khác hơn các tù phạm khác, Ngài chỉ gọi hai con heo lại mà dặn nó sau khi đi ăn rồi phải quay về. Thế là hai con heo răm rắp vâng lời, khỏi phải phiền Ngài đi theo giữ như kẻ khác.

Ở đây một thời gian, ngài bị nhà chức trách Pháp cho uống nước có pha a-xít (eau régale) là một chất độc chết người, mà ngài vẫn thêm mạnh. Sau xét thấy ngài hiền lành, không có gì đáng cho là nguy hiểm lắm, họ bèn tha ngài về.

Trước khi xuống tàu về xứ, có người tù phạm tên là Quảng, bấy lâu nay cũng bị đày như ngài than thở rằng không biết phận của y sẽ ra sao, và bao giờ mới được về quê quán. Ngài thấy vậy bảo Quảng đừng lo gì cho nhọc, nội trong bảy ngày nữa cũng sẽ được tha ra như ngài vậy. Quả thật đúng y như lời ngài nói, một tuần sau Quảng được tha về.

Sau lúc trả tự do, Ngài được người Pháp phát cho một cây súng hai nòng để đi săn chơi, song họ buộc Ngài mỗi một tuần lễ, cứ lệ ngày thứ hai thì phải có mặt để trình diện. Ngài tuy nghe theo lệnh nhưng vẫn còn có thì giờ trở về sóc ở Tà Lôn mà cứu độ bệnh nhân và nhắc nhở cho

người đời sớm lo tu tỉnh. Nơi đây Ngài thường lên núi lấy sấp đem về để xe đèn trị bệnh. Người ta không biết sấp ở đâu mà cứ mỗi lần Ngài đi lấy thì những người đi theo không tài nào gánh hết được.

Cũng nơi vùng Thất Sơn, có một lần cúng tế có đông đủ tín đồ. Người nhà than rằng không thể nào lo được chén bát để dọn ăn cho đủ. Ngài bảo rằng không hề chi, trên non không thiếu những vật ấy. Thế rồi hôm sau, Ngài cho ít người môn đệ đem gióng gánh theo chân Ngài lên núi để mượn đồ. Ngài dẫn đến một nơi nọ có hầm sâu, cây cối chung quanh xum xuê, rồi chỉ cho họ lấy, và dặn muốn lấy bao nhiêu tùy ý, nhưng hãy đếm để về sau hòng trả lại cho đủ. Khi xong đám, mấy người tín đồ quây gánh chén bát lên núi để trả lại chỗ cũ, nhưng có điều rất lạ là họ cố tìm mà không gặp được chỗ hầm đã lấy, họ đành phải gánh trở về. Sau phải nhờ Ngài dẫn lên chỉ chỗ mới trả được. Cứ nhiều lần như vậy, nên trong tín đồ của Ngài có người đưa ý kiến chặt cây và cột gút cõ lại để làm dấu, rồi đợi khi vắng Ngài, họ lén lên tìm coi. Nhưng họ cũng thất vọng, những chỗ họ đánh dấu hôm trước không sao kiếm được, mặc dù họ là đám người quen thuộc đường rừng đó.

Để cho phân biệt được tín đồ của Ngài và tín đồ của tôn phái khác, ngài phát cho mỗi người đệ tử một cái bầu áo có hai khuy, hai nút, còn những người đến trị bệnh thì Ngài chỉ cho áo một khuy một nút mà thôi.

Ngài hành đạo giáo hóa được 7 năm thì tịch diệt nhằm ngày 21 tháng 11 năm Ất Hợi (1875). Ngài còn lưu lại cho đời một bản Sấm Giảng khuyên đời tu niệm và tiên đoán việc thiên cơ. Lúc ngài tịch, có xảy ra một việc rất lạ, tưởng không thể bỏ sót được. Một hôm, trước ngày tịch diệt, ngài cho vợ con, tín đồ biết trước rằng Ngài sẽ về cõi Phật, thế rồi ngài bỏ nhà lên núi mà không trở về. Sau mấy hôm đến ngày trình diện mà không thấy Ngài đến, quân Pháp cho lính vào tận sóc Lương Phi tìm kiếm, và khi nghe nói Ngài đã tịch rồi, họ nhứt định cho là nói dối, bèn bắt hết cả vợ con của Ngài giải về Châu Đốc hoặc phải có mặt Ngài thì họ mới thả vợ con ra.

Trước tình trạng rắc rối ấy, có người tín đồ trung thành của ngài tên là Ông Viêm, hết lòng nguyện vái rồi lặn lội lên vùng Thất Sơn để tìm Ngài mà cầu xin giải cứu. Sau mấy hôm tìm kiếm hết sức vất vả, ông Viêm mới gặp được Ngài đang ngồi trong hang đá đang nói chuyện với những bậc thánh nhân ở cõi trên. Thấy ông Viêm đến, chưa đợi ông nầy tường thuật Ngài tự nhiên đã biết chuyện. Ngài bảo ông Viêm hãy về trước rồi Ngài sẽ theo sau, và dặn rằng Ngài chỉ ráng độ cho một phen nầy, sau không còn Ngài thì tự lo liệu lấy. Khi về đến nhà, Ngài bảo tín đồ đóng cho một cái hòm rồi tự mình trải vào một cái khăn bằng vải rất rộng, xong Ngài nằm trong đó sai người đậy nắp lại cẩn thận, rồi đi báo cho Pháp hay.

Được tin đã kiếm được xác Ngài, quân Pháp kéo vào xem xét, nhưng họ chưa tin rằng chết thiệt, bảo cứ gác nắp hòm rồi để đó, vài ba ngày thì họ vào một lần để mở ra khám nghiệm. Sau khi đã khám nghiệm đủ cách mà vẫn không thấy Ngài còn có chút gì là người sống, mặc dầu xác vẫn không hôi thối, nhà cầm quyền Pháp bèn thả hết vợ con Ngài ra rồi ra lệnh đem chôn Ngài trước mặt cho họ trông thấy. Từ ấy về sau, Ngài không còn trở về nhà nữa. Nhưng thỉnh thoảng Ngài có hiện cho người ta xem thấy Ngài còn lảng vảng trong vùng Thất Sơn.

Nghe đâu Ngài còn có một nữ tín đồ ở tại sóc Tứ (1972) tục gọi là bà Bảy. Sống hơn một trăm tuổi mà vẫn còn khỏe mạnh, lại cứ một ngày một trẻ dần, đọ với con bà người ta thấy trẻ hơn nhiều. Nghe nói bà có xin phép “ở trên” để đi vào viếng cảnh trong ruột núi Cẩm, nhưng chưa được lệnh, chẳng biết có quả thật như vậy không? Trong khi đi sưu tầm tài liệu cho quyển sách này, vì tình thế khó khăn không cho phép, nên chúng tôi chưa đến gặp mặt bà được, xin chờ một dịp sau.

Hiện mộ Phật Trùm nằm lưng chừng núi Tà Lôn, một núi nhỏ, thấp thuộc ấp Tà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Mộ không đắp năm, theo chủ trương của Bửu Sơn Kỳ Hương.

(Theo Thất Sơn Màu Nhiệm)

Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác và tâm nguyện từ bi

Nguyễn Đức Tố



Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác

Chúng tôi đến thăm Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác, Tổng trưởng Liên tông Tịnh độ Non bông, Viện chủ Quan Âm tu viện (Biên Hòa - Đồng Nai) đúng vào ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ 78 của Thầy.

Qua khỏi cảnh quan trang nghiêm, thanh tịnh của tu viện, chúng tôi bước vào một khu vườn có dáng dấp nông thôn, rợp bóng cỏ cây hoa lá, tiếng chim hót vang cả khu vườn. Sau cái kệ dài sắp đầy những quà kỷ niệm, Ni trưởng Huệ Giác ngồi trên chiếc võng thân mật tiếp chúng tôi. Vị sư già trong bộ áo lam bình dị gợi lên hình ảnh bóng dáng của một bà mẹ quê, quá đỗi thân thương, gần gũi.

Do có hẹn trước, Ban Biên tập tạp văn Hương Thiên đã xin được gặp Ni trưởng để viết bài về cuộc đời tu tập,

hoàng pháp và công tác từ thiện xã hội của Thầy. Với giọng nói nhẹ nhàng, Thầy đã kể cho chúng tôi nghe những kỷ niệm không thể quên mà suốt cả cuộc đời tu tập, kể từ năm 19 tuổi, nương theo chư Phật để tìm cho mình sự an nhiên tự tại và giúp đỡ quần sanh qua bước đường hoàng pháp, đồng thời cứu giúp những hoàn cảnh sống còn nhiều khó khăn.

Ni trưởng vẫn còn nhớ như in và luôn xúc động với hình ảnh những em bé nâng niu chiếc lồng đèn xếp được phát trong dịp lễ Trung Thu, hay những bàn tay run run của các cụ già khi nhận những gói quà đầy ấp tình thương mà đích thân Ni trưởng trao tặng. Món quà không lớn, nhưng chan chứa tình thương yêu, làm cho Ni Trưởng luôn tự nhủ là phải làm nhiều hơn và tốt hơn những việc làm nhân ái thấm đẫm tình người này.

QUÁ TRÌNH TU HỌC VÀ HOÀNG PHÁP

Ni trưởng Huệ Giác thế danh Nguyễn Thị Cung, thuộc dòng thiền Lâm Tế đời thứ 42, là trưởng tử của đức Tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, hiệu Nhựt Ý, thuộc dòng Lâm Tế thứ 41, với biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bông Lai, người khai sơn môn phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bông. Ni trưởng sinh năm 1937 tại làng Tân Ba, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, nay là Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương. Tuổi trẻ thông minh, thích học hỏi, là học sinh nội trú giỏi của trường Nữ Trung học Gia Long, Sài Gòn. Sinh

trong một gia đình trung lưu gia giáo, kính tin ngôi Tam Bảo, thường nghe pháp với Cao Minh Thiên sư giảng về pháp môn niệm Phật và học đạo với Hòa thượng Bồn sư Thích Trí Châu.

Năm 1955, Ni trưởng thọ giáo Quy Y Tam Bảo với Hòa Thượng thượng Trí hạ Châu, được đặt pháp danh là Lê Cung.

Năm 1958, Ni trưởng chính thức xuất gia dưới sự chứng minh của đức Tôn sư Mẫu Trần, đức Tôn sư thượng Trí hạ Châu và Hội đồng Trưởng lão tại Tổ đình Linh Sơn (Núi Dinh). Ni trưởng có pháp danh là Thích Nữ Huệ Giác.

Năm 1960, vâng lệnh đức Tôn sư Mẫu Trần, Ni trưởng thành lập cô nhi viện Phước Lộc Thọ, nuôi dưỡng, đùm bọc các cô nhi, những người già sức yếu, neo đơn.

Năm 1962, Ni trưởng vâng lệnh đức Tôn sư thành lập Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo nhằm đào tạo Tăng Ni.

Năm 1966, Ni Trưởng về tịnh xá Thắng Liên Hoa phụ trách hướng dẫn mở lớp giáo lý căn bản cho Ni chúng. Cũng trong năm này, Ni trưởng phác họa sơ đồ Quan Âm tu viện để chuẩn bị xây dựng thành một tu viện trang nghiêm như ngày nay. Ngoài việc giảng dạy, thuyết pháp cho Tăng Ni Long Sơn Cổ tự, Quan Âm tu viện, Nhất Nguyên Bửu Tự, tịnh xá Thắng Liên Hoa, Bửu Hoa ni viện, Long Phước

Thọ, Tổ đình Linh sơn, Ni trưởng còn thường xuyên giảng kinh thuyết pháp cho hàng chục vạn lượt nam nữ Phật tử đến lễ bái quy y Tam bảo, thọ Ngũ giới, thọ Bát Quan Trai giới tại Quan Âm tu viện.

Năm 1980, Ni Trưởng được tấn phong Ni sư tại giới đàn Bửu Phong Cổ tự. Từng được tuyển trạch Hộ đàn, Phó Đàn chủ, Giám khảo, Chứng đàn Giám thọ A Xà Lê Sư, thất chúng A Xà Lê Sư, Minh Đàn tại các giới đàn tổ chức tại Đình Long Thiên (Bửu Hoà-Biên Hoà) vào những năm 1981,1991... do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Đồng Nai tổ chức.

Hiện nay, Ni Trưởng là uỷ viên Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, trưởng tử kế thừa sự nghiệp hoằng dương giáo pháp Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, Viện chủ Quan Âm Tu Viện.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI

Với vai trò là thành viên Hội đồng Bảo trợ hoạt động Chữ Thập Đỏ Trung ương Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, Ni Trưởng Huệ Giác đã tham gia và hưởng ứng tích cực các phong trào thi đua do Trung Ương Hội phát động. Ni trưởng luôn thể hiện tấm lòng và trách nhiệm trong việc xây dựng và phát triển tổ chức công tác từ thiện xã hội. Trị giá hoạt động nhân đạo, từ thiện trong 10 năm (2003-2013) do Ni trưởng đóng góp, vận động, tổ chức thực hiện hơn 17 tỷ đồng.

Theo Ni trưởng: *“Thực hiện công tác từ thiện cần nhất là cái tâm, làm cho mọi người hạnh phúc là tạo niềm vui cho bản thân, un đức đạo hạnh trong việc tu tập, đồng thời vận động mọi người cùng làm việc từ thiện với mình”,* và *“Bài học giáo dục lòng nhân ái là bài học thiết thực nhất đối với Tăng Ni, Phật tử”*.

Ni trưởng đã tổ chức cứu trợ, thăm và tặng quà, giúp đỡ những gia đình nghèo, bệnh nhân tâm thần, bệnh phong, người khuyết tật, người khiếm thị, các Trung tâm người già, trẻ em, cô nhi tại Đồng Nai, Bình Dương, Long An, TP.Hồ Chí Minh, Tây Nguyên và các hoạt động từ thiện khác như thăm và tặng quà do đồng bào dân tộc thiểu số ở Bình Phước, Bù Đăng, Đak Lăk, Gia Lai, KonTum.... Ứng hộ kinh phí và phẩm vật cho các chương trình hoạt động lớn của các hội Chữ Thập Đỏ tỉnh Đồng Nai, Bình Dương như chương trình “Tết vì người nghèo”, xây nhà tình thương, cấp học bổng, máy vi tính, xe đạp cho học sinh nghèo hiếu học; xe lăn, xe lắc cho các cháu khuyết tật, ủng hộ kinh phí mổ tim, mổ mắt cho người nghèo, làm cầu đường cho giao thông nông thôn.

Thường xuyên tổ chức cứu trợ các tỉnh bị thiên tai như: Huế, Bình Định, Quảng Ngãi, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Long An, Đồng Tháp, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Đắk Lak, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thanh

Hóa... Ủng hộ nạn nhân bị thiên tai sóng thần các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Tây Á do các tổ chức đoàn thể vận động, tham gia Ban Vận động cứu trợ nhân dân Campuchia, Cuba; Tổ chức chăm sóc và nuôi dưỡng 36 cụ già neo đơn không nơi nương tựa và 66 trẻ cô nhi, khuyết tật.

Ni Trưởng bộc bạch: *“Thầy có tâm nguyện hoằng pháp lợi sinh, với tấm lòng Bồ tát từ bi, vô ngã, vị tha. Với trách nhiệm của người đứng đầu Quan Âm tu viện nên thầy thường xuyên chỉ dạy cho chư Tăng Ni, quý Phật tử phải có tấm lòng bao dung, độ lượng, nên lấy việc thánh thiện phước báu làm hạnh nghiệp Phật đạo”*.

Với những thành quả tích cực trong công tác từ thiện xã hội, Ni trưởng Huệ Giác đã được nhà nước trao tặng Huân Chương Kháng chiến hạng ba và năm 2013, Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân Chương Lao Động Hạng ba.

Hương Thiền kính chúc Ni Trưởng Huệ Giác thân tâm thường an lạc, luôn thực hiện tâm lành để phụng đời trợ đạo với mục đích hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sanh, thực hiện trọn vẹn tâm nguyện Từ Bi theo tôn chỉ của tông phong.

ĐỊA NGỤC CÓ THẬT KHÔNG ?

HT. Thích Giác Quang

VẤN

Trong sáu nẻo luân hồi có cảnh giới địa ngục. Nhưng các bài giảng của quý Thầy thì cảnh giới này không có thật mà chỉ do nghiệp thức của chúng sanh dẫn dắt. Nhưng tại sao trong kinh Vu Lan, Đức Phật mô tả rất chi tiết cảnh địa ngục ghê rợn dành cho những người con bất hiếu, hoặc câu chuyện bà Thanh Đề bị đau khổ trong địa ngục, hoặc chuyện Cô Ba cháo gà xuống thăm âm phủ, hoặc Đề Bà Đạt Đa bao nhiêu lần âm mưu hại Phật, sau khi chết bị đày vào cảnh giới này. Vậy ĐỊA NGỤC là cảnh giới có thật hay không ?

ĐÁP

Trong Kinh A Di Đà, đức Phật dạy: Nầy Xá Lợi Phất, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nơn văn thuyết A Di Đà Phật chấp trì danh hiệu, nhược nhứt nhựt, nhược nhị nhựt, nhược tam nhựt, nhược tứ nhựt, nhược ngũ nhựt, nhược lục nhựt, nhược thất nhựt, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng... tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật

Cực lạc quốc độ... (*kinh Tam Bảo, bản dịch Đoàn Trung Còn, trang 30, xuất bản năm 1955*).

Tạm dịch: *Này ông Xá-Lợi-Phất ơi! Nếu có người nam, người nữ nào nghe danh hiệu Đức Phật A Di Đà, rồi phát tâm niệm danh hiệu của Đức Phật, từ một ngày... cho đến bảy ngày, tinh chuyên niệm Phật được chánh niệm không còn tạp loạn, đến giờ lâm chung được Đức Phật A Di Đà, chur vị thánh chúng đến tiếp dẫn... được sanh về cõi Cực lạc.*

Kinh Địa Tạng, phẩm thứ Ba-Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên, nói về các cảnh giới địa ngục và khổ ở địa ngục. Cảnh giới địa ngục là thế giới khổ đau, không lúc nào ra khỏi cảnh khổ đau nên gọi là địa ngục Vô gián. Con người hiện tại làm việc bất thiện, sát sanh hại vật, trộm cắp, dục ái tà dâm, sống buông thả, tham lam tật đố, ích kỷ, làm khổ muôn loài (*nhân*), nên người đó hiện tiền cũng như tương lai bị sa vào địa ngục, nhận lãnh lấy ác báo (*quả*).

Luận Đại Trí Độ của ngài Thế Thân nói: Người tham lam, trộm cướp có 10 tội rất lớn, trong đó có tội bị sa đọa vào địa ngục, đời sau dù được làm người nhưng lúc nào cũng nghèo khổ, đời sống rách rưới lang thang... (*trang 19, Ni Trường Huệ Giác biên soạn*)

Như vậy, với người tu chân chánh, đứng chánh pháp, chánh niệm, niệm Phật hiện tiền thì tương lai siêu sanh Cực lạc. Với người tu giải đãi, ở thế gian hay làm các việc bất

307. Nhiều người khoác cà sa,
Ác hạnh không nhiếp phục.
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi địa ngục.
(Kinh Pháp Cú, phẩm Địa Ngục)

thiện... hiện tiền hay tương lai đọa vào Địa ngục.

Theo Đại thừa tạng giáo có thể giới Cực lạc, thì cũng có cảnh giới Địa ngục và ngược lại; theo Đại thừa đốn giáo thì có và không đều hư huyền, viên giáo thì không thật, nhưng có.

Câu chuyện thiên xứ Phù Tang, một Võ sĩ đạo nóng tính hỏi thiên sư:

- Thế nào là Thiên đường, thế nào là Địa ngục?

- Ông biết gì mà hỏi!

Võ sĩ rút kiếm.

- Địa ngục đây!

Võ sĩ tra kiếm vào vỏ.

- Thiên đường đây!

Đứng về gốc độ tâm linh người tu đắc đạo thì không còn cảnh giới Địa ngục! Nhưng đối với những người từng làm việc ác như Bà Thanh Đề, cô Ba cháo gà, Đề Bà Đạt Đa... chắc hẳn cảnh giới địa ngục hiện ra thật sự theo quy luật nhân quả. Địa ngục là quy luật tất yếu và khắc nghiệt, nhưng cũng là đạo lý để nghiêm huấn chúng sanh.

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

Thuần Tâm

Tôi chập chững bước vào đường đạo trong thời kỳ sơ cơ học Phật. Số đồng môn rất đông, nhưng chỉ mình tôi, “thằng trọc đầu”, thường bị sư phụ quở mắng thậm tệ: “Nó tu gì... giống như con ếch bị té giếng?” trước những huynh đệ đồng tu.

Tôi rất lấy làm hổ thẹn mỗi khi chạm mặt với những vị thâm niên cố để đây vẻ cao ngạo... Dần dần tôi được nổi tiếng với biệt danh “*Thiện Từ té giếng*” kể từ đó. Ban đầu tôi cũng hơi gương với cái danh xưng ấy, nhưng nghe mãi rồi cũng quen tai với biệt danh khá sốc này khi nó gắn liền với sự giáo dưỡng của sư phụ tôi với câu chuyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng” như sau:

Có con ếch mãi mê nhảy nhót trên miệng giếng nên vô ý bị rớt xuống giếng khô. Thế là cuộc đời nó chấm hết. Kể từ đây, nó chỉ nhìn và biết trên đời này bằng bầu trời miệng giếng mà nó an phận thủ thường nhìn thấy mỗi ngày. Suốt từ sớm đến chiều nó chỉ nhìn được một vòm xanh nhỏ bé mà thôi. Biết đến bao giờ mới được thoát ly cái vòm xanh đó để thấy được trời rộng bao la? Chỉ trừ phi có phép

màu, họa chẳng nó mới được nhảy lên miệng giếng. Khi đó nó mới có thể nhìn thấy được bầu trời bao la bát ngát, vạn pháp nghìn trùng, mới hiểu được “tánh trí quy nguyên”, mới khơi nguồn được huệ giác tự thân lẫn tự tâm”.

Tôi chợt bừng ngộ và chuyển hóa tâm mê sang tánh giác, thật mâu nhiệm vô cùng. Tôi thâm tạ ơn Sư phụ mình. Nhờ lời quả mắng và dẫn dụ ngụ ngôn “ếch té giếng” ấy đã khiến tôi lột bỏ được thói cố chấp phàm phu tục tử của con người tôi bị màn vô minh che lấp từ bấy lâu nay. May nhờ có lời vàng tiếng ngọc của sư phụ, tôi mới thoát ly khỏi cái vòng luân quần, mới thoát vòng tục lụy, trụ vững đạo nghiệp cho tới hôm nay được! Và tôi cũng không còn để tâm đến những khuôn mặt đáng ghét của những huynh đệ đồng tu kia nữa. Vì nhờ họ mà hôm nay tôi mới được an bản lạc đạo nơi chốn thiền môn này. Tôi xin đa tạ và cảm kích những tấm lòng vị tha của những người đi trước trên con đường giải thoát khổ đau, tiếp tục vững bước đi lên bất thối chuyển. Tôi mãi nguyện bằng lòng với biệt danh “*Thiện Từ té giếng*” này như một “bửu bối” hầu nhắc nhở tôi trau dồi hạnh tinh tấn của sa môn đầu tròn áo vuông, lữ dân thân vào bằng niềm tin tuyệt đối của chính mình.

*Kỷ niệm húy nhật lần 24 (12-6-Giáp Ngọ) của Sư phụ thượng Thiện hạ Kỳ, Viện chủ chùa Bửu Quang, Q.8
Hiếu tử, Sa môn Thích Thiện Tài*

CÂY KHÔ TRÊN NÚI TUYẾT

Phan Cát Tường

Thiền, đôi khi bị hiểu lầm là sự đoạn tuyệt với thế gian của những con người quyết tìm sự giải thoát ở một chân trời mới.

Có một câu chuyện thiền rất đáng để ta suy gẫm...

Sau ba năm cúng dường chu tất cho một vị thiền sư tu hành khá nghiêm túc, bà cụ ngộ đạo căn dặn con gái một công việc bí mật sau khi đem mâm cơm trưa vào thiền thất. Cô con gái y lời, sau khi đặt mâm cơm lên bàn, bèn ôm chầm lấy vị thầy khả kính và hô to: “Nói, nói...”. Thiền sư liền ứng khẩu đọc: *“Khô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí”*. (*Cây khô tựa núi tuyết, ba năm không có sinh khí*).

Cô gái về nhà thuật lại câu chuyện cho mẹ nghe. Bà tỏ vẻ tức giận: *“Không ngờ, ba năm nay ta chỉ cúng dường cho một xác chết!”*.

Nghe được lời chê trách của cụ già, vị thiền sư cảm thấy xấu hổ vì tu hành chưa xứng đáng với sự cúng dường của tín chủ.

Vị thầy quyết tâm hạ thủ công phu thêm ba năm nữa.

Sau khi nhập thất ba năm, kịch bản trước kia lại diễn ra lần nữa. Lần này, sau khi cô gái ôm chặt vị thiền sư và hô to: “Nói, nói...” thì vị thầy chỉ cười ha hả rồi nói khẽ bên tai cô gái: “*Trời biết, đất biết, ta biết, người biết nhưng đừng nói cho bà già kia biết nhé!*”

Cô gái về nhà thuật lại toàn bộ câu chuyện cho mẹ nghe, cụ già tỏ vẻ đặc ý, nói: “*Chẳng bỏ công ta nhịn miệng cúng dường bấy lâu!*”

Trong câu chuyện trên, lần thứ nhất trong vòng tay cô gái, vị thiền sư còn thấy cây khô trên núi tuyết trải qua ba năm vẫn không chút sinh khí. Đó là một sự nhận thức còn kẹt vào “ngã” và “pháp” ví như một thân cây khô đét, tro trụi nhờ rễ nó chỉ bám bên ngoài vách đá.

Tuy nhiên, dưới con mắt chứng ngộ của cụ già kia thì đó chỉ là nhận thức phàm phu, theo kiểu bờ này là sinh tử, phải qua bên kia mới có Niết Bàn. Bà đã chê trách nhãn quan nhị nguyên của vị Thiền sư chưa triệt ngộ!

Lần thứ hai, “*Trời biết, đất biết, ta biết, người biết, nhưng đừng để bà già kia biết!*”!... Thật tuyệt vời. Đó là câu nói chỉ xảy ra ở hai hạng người, hoặc phàm phu hoặc thánh trí. Lần này thì không nghi ngờ chi nữa, vị thầy đã nói được tư tưởng hai bờ sinh tử chỉ là “một”, và “một” đó không phân biệt đạo hay đời, như cây khô kia nếu nó nằm ngoài vách đá thì dù bao nhiêu năm vẫn không thể lấy được chút sinh khí của trời rộng đất dày. Rễ nó cần phải đâm thẳng vào lòng

đất, đón lấy sự sống tuôn chảy từ lòng đất để có thể hòa nhịp với gió, với mây, với nắng mà tạo nên sự sống muôn trùng.

Vì lẽ đó mà kinh Dịch, quẻ số 28 (Trạch Phong Đại Quá) đã đưa ra một hình ảnh rất độc đáo qua thoán từ của hào lục nhị: “*Khô dương sinh đề. Lão phu đắc kỳ nữ thê. Vô bất lợi*”. (枯楊生梯 . 老夫得其女妻 . 無不利 – *Cây khô mọc rễ như lão già lấy được vợ trẻ. Được lắm!*).

Sở dĩ “*Cây khô mọc rễ*” là vì hào số hai đáng lẽ phải là hào âm, nhưng nó lại dương (quẻ Trạch Phong Đại Quá có hào số 2 dương). Hào dương ở vị trí âm cũng giống như rễ cây khô đâm thẳng vào lòng đất. Cả hai đều mang ý nghĩa một cuộc hóa thân vô ngại giữa hai bờ sinh tử. Thiện ác hội ngộ, âm dương giao hòa, sanh tử nhất như...

Chỉ khi đó, thần chú Bát Nhã: “*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha*” (*Vượt qua, vượt qua. Vượt qua bờ bên kia. Vượt qua hoàn toàn. Tuệ giác Thành tựu*) mới thật sự trở về cái trống rỗng, vô ngôn vốn dĩ của nó, vì hành giả không cần phải nhảy một cú chí mạng để vượt qua bờ bên kia, mà đôi khi cú nhảy lầm lẫn đó chỉ tạo thêm sanh tử luân hồi!

Và ở đây, chỉ cần ở đây, ngay bây giờ cái rễ cây khô khốc của hành giả hãy đâm một cú quyết liệt vào mảnh đất tâm để cho trời đất giao hòa, âm dương hội ngộ cho cây khô

CHÉN LY BÔI

Ly rượu đắng, mềm lòng người viễn xứ
Cũng như em mềm mỏng giữa đời tôi
Trên tất cả, tôi yêu điều cay nghiệt
Chỉ vì tôi trót cạn chén ly bôi...

P.C.T

sẽ kịp trở hoa khi mùa Xuân về, dù cảnh có khắng khiu, thân có gầy còm giữa giá buốt...

Đó là chỗ mà Tế Diên hòa thượng cầm miếng thịt chó đi ung dung giữa chợ đời, chỗ mà thiền sư Lai Quả lúc nào cũng tóc tai bù xù, là chỗ mà thánh Francis một mực làm gã hành khất sau khi thể nhập với Chúa.

Và như thế thì chuyện tu hành sẽ trở thành một cuộc chơi lớn của những tâm hồn nghệ sĩ. Điều cốt yếu là người nghệ sĩ đó phải dám bước qua lằn ranh định mệnh của mình để tự biến mất trong cái “không phải mình” rồi lại tìm thấy chính mình giữa cái bao la trời đất.

Và câu chuyện “khô mộc ỷ hàn nham” một lần nữa lại là tiếng chuông cảnh tỉnh cho những hành giả đang khô công đi tìm chân lý ở một biên cương vô định mà quên rằng nơi mình đang đứng đây chân lý cũng hiện diện trong sự lãng quên của chính mình.

CHIA TAY HOÀNG ANH

Nam Chu, cộng tác viên Hương Thiền tại Bình Dương gửi cho tôi một tin nhắn rưng rờ: *"Hoàng Anh, những giờ phút cuối cùng..."*. Tôi linh cảm đang có điều gì đó xảy ra cho Hoàng Anh, nhà giáo, nhà thơ cũng là một cây bút của Hương Thiền trong nhiều năm qua tại vùng đất Thủ Dầu Một. Tìm lại chuỗi tin nhắn của Hoàng Anh trên điện thoại, tôi bắt gặp mấy bài thơ...

Cõi con ngựa chạy vô rừng

Cửa ngon mai lão về mừng chúa Xuân

Làm ăn mau lã tung bưng

Cửa ngon đầu gác củ gừng già cay.

Đó là bài thơ chúc Xuân Giáp Ngọ mà Hoàng Anh gửi tặng tôi trong ngày đầu năm. Rồi sau đó là bài thơ đậm chất Thiền:

Nghe rằng Phật khắp quanh đây

Ra vườn tìm Phật thấy hoa nở đầy

Hoa rằng kiến Phật nơi đây

Thì Xuân là Phật, thân này là Xuân.

Những bài thơ chưa kịp đăng trên Hương Thiền thì Hoàng Anh đã ngao du về cõi Phật. Hôm về đất Thủ thấp hương tiễn đưa linh cứu anh, tôi nghe được tiếng trống chầu lễ tang trầm buồn, tiếng ve rả rích trong khu vườn nhỏ, tiếng cười nói của bạn bè thân quen... Chỉ thiếu Hoàng Anh, người bạn ra đi nhưng để lại trong tôi những ấn tượng đẹp về một tâm hồn đáng yêu...

PHAN CÁT TƯỜNG

“*Động*” của Huệ Năng qua Dịch lý

Nhật Triết

Theo Dịch lý Việt Nam, mọi vấn đề gì ta muốn biết thì phải có sự động thật sự, ta mới mở Dịch tượng để chiêm nghiệm. Phải có động mới thành vấn đề, cho nên những nhà Dịch học đã nói: “Động mới chiêm nghiệm, không động không chiêm nghiệm”.

Thế nào là động? Có những cái động làm thay đổi lớn? Tôi nhớ đến một câu chuyện về Thiền, câu chuyện về cái động tĩnh của ngài Lục Tổ đã làm thay đổi cuộc đời tu của ngài.

Cái động thứ nhất

Lục Tổ Huệ Năng khi còn là cư sĩ đang giã gạo dưới nhà trụ. Ngài quá ốm yếu nên phải đeo đá vào người cho thêm nặng để nâng cái chài lên, vì đạo quên mình, chung quanh ngài biết bao là tiếng động, nào là tiếng cười nói của chúng, tiếng giã gạo và nhiều tiếng động khác. Một hôm Ngũ Tổ đến chỗ Huệ Năng. Tổ hỏi: “Gạo trắng hay chưa?”. Huệ Năng thưa: “Gạo trắng thì trắng đã lâu, nhưng còn thiếu giần sàng”. Tổ lấy cây thiền trượng gõ vào cối ba tiếng rồi bỏ đi. Huệ Năng liền hội được ý của Tổ, khi đem đến tiếng trống đánh canh ba Huệ Năng liền vào thiền thất

của Tổ xin chỉ dạy và được Tổ truyền tâm ấn và y bát. Sau đó, và ngài phải trốn về phương nam. Đây là cái động của tạo hóa báo Huệ Năng đạt đạo.

Cái động lần thứ hai

Cái động của tạo hóa hiển lộ báo tin. Ngài Huệ Năng từ cư sĩ trở thành vị sư Tổ. Sau khi được truyền thừa y bát của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, mười sáu năm trời sống ẩn dật và vất vả, có khi Ngài phải ăn rau luộc trong nồi thịt của nhóm thợ săn.

Sau khi Ngài đến chùa Pháp Tánh thì thấy hai vị sư trẻ đang tranh luận về lá phướn đang bay trước chùa.

- Này, huynh có thấy lá phướn đang bay không? Nó động quá phải không huynh?

- Đệ nói sai rồi, không phải lá phướn đang động, mà gió đang động.

Thế là hai vị tăng trẻ tranh luận với nhau, không ai chịu nhường ai, mỗi người đều khư khư ôm cái lý riêng của mình, chỉ cái lý của mình là đúng, là hữu lý còn cái lý của người kia là vô lý, là sai.

Chợt Ngài Lục Tổ Huệ Năng đi tới nghe được bèn nói: “Không phải phướn động, cũng không phải gió động, mà do cái tâm của các người đang động”.

Sau khi pháp sư Ấn Tông biết được mời cư sĩ Huệ Năng bàn về pháp, thấy ngài đối đáp về Phật pháp quá thâm sâu mà giản dị, không theo văn tự. Sau khi biết được cư sĩ

trước mắt chính là người được truyền y bát, Ân Tông xuống tóc cho ngài và tôn ngài làm thầy.

Qua câu chuyện trên chúng ta thấy rằng người đời thường nhìn qua hiện tượng xảy ra trước mắt. Hai vị sư trẻ nhìn sự việc qua lăng kính giác quan của mình. Đúng là tâm của các ông cũng đang động, các ông không có cái nhìn vô tư khách quan và toàn diện, vì thế dẫn đến cái nhìn chủ quan, phiến diện, loạn động. Nếu truy nguyên, truy lý đến cuối cùng thì câu chuyện trên có muôn ngàn thứ động. Cái động nào cũng có, cũng đúng nhưng không phải là duy nhất chỉ có cái động đó mà thôi.

Động trong Dịch lý

Là động tĩnh – tĩnh động. Động tĩnh lẫn lộn, không cái gì là tĩnh hoàn toàn hoặc động hoàn toàn, khi đang động có nghĩa là manh nha tĩnh hoặc ngược lại. Cho nên mọi sự, mọi việc đều sống động. Tóm lại động là không yên, không như cũ là có sự thay đổi dù bản chất hay hiện tượng.

Về câu chuyện trên thì Dịch Lý Việt Nam cho rằng mọi cái đều động: phước động, gió động, thân tâm của hai vị sư kia và ngay cả Lục Tổ cũng động. Rồi đến tôi và các bạn cũng động lây theo câu chuyện.

Những người nói Dịch chỉ chọn cái nào chánh động mà thôi, còn các cái động khác không cần quan tâm lắm.

Cái động trong Dịch Lý là nhân cái động tĩnh trong ngoài nào đó, khiến lòng ta thôi thúc muốn biết sự vụ, sự

việc gì ra sao; hoặc đó chỉ là cái có động tĩnh báo hiệu có liên quan với vụ việc khác nữa. Nhân đó ta mở Dịch Tượng kiểm soát lại trùng với ý muốn biết của ta, hoặc tương quan tương hợp với sự vật, sự việc.

Đôi lúc nếu cần, ta phải tìm rõ căn nguyên hay cơ vi động tĩnh sự động ấy. Một động tĩnh dù rất nhỏ nếu được chiếu rọi bởi lý Âm Dương thì sẽ phải sáng tỏ. Đó là cách Quán Thông Thiên Địa mà người học Dịch nào cũng thường dùng để có sự hiểu biết tột cùng rất ráo. Sự hiểu biết thì vô tư, hành động thì đúng lúc. Muốn vậy phải hội đủ điều kiện như: ĐÚNG NGƯỜI, ĐÚNG VIỆC, ĐÚNG VẬT, ĐÚNG CHỖ, ĐÚNG THỜI GIAN.

Nghĩa là phải đúng qui luật Tam Yếu Liên Hoàn. Vậy Tam Yếu Liên Hoàn là gì? Chính là Thiên cơ, thời cơ, nhân cơ.

THIÊN CƠ: là cơ Trời, là động cơ biến động, biến đổi, biến hóa nhịp điệu sống động của muôn loài vạn vật, là sự động tĩnh của vũ trụ, từ gần gũi đến xa xôi, từ giây phút này ở đây, đến tận cõi vĩnh hằng và vô biên.

2. THỜI CƠ: Là thời điểm, thời đại, là vận hội, là năm tháng ngày giờ, là phút, giây, là sát na có sự động tĩnh đặc biệt ấy.

3. NHÂN CƠ: Là nhân một sự động tĩnh xa gần nào đó làm lòng ta cảm xúc khiến chúng ta muốn biết sự thật về sự việc đó như thế nào.

HƯƠNG THIÊN 29

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn

nxbvanhovannghe@yahoo.com.vn

Website: nxbvanhovannghe.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huyền Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Nguyễn Kim Phước

Sửa bản in: Bảo Bảo

Trình bày: Hương Thiên Design

Bìa: Cát Tường

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty in Thành Tiến, 195/37D Bùi Minh Trực, P.5, Q.8, TP.HCM

Số đăng ký KHXB: 09-2014/CXB/30-130/VHVN

QĐXB số: 284/QĐ-NXBVHVN ngày 25/7/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2014



Đức tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước

Dòng Lâm Tế thứ 41, húy Nhựt Ý, biệt hiệu đức Mẫu Trầu Bồng Lai
(Sanh 01/7/1924 (Giáp Tý) - Viên tịch 01/8/Bính Dần (1986))

15.000 đồng